



SAO THÁI DƯƠNG

SAO THÁI DƯƠNG

SJF Báo cáo
Thường niên **2017**

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa: Quý cổ đông

Năm 2017, tình hình chính trị xã hội toàn cầu tiếp tục có nhiều thay đổi lớn với môi trường kinh doanh cạnh tranh ngày càng trở nên khó khăn trong bối cảnh xu hướng toàn cầu hóa đang có nhiều thách thức. Tình hình kinh tế Việt Nam tăng trưởng 6,81 %, cao hơn năm 2016 nhờ sự cải thiện ở cả tổng cung và tổng cầu của nền kinh tế. Tuy nhiên, đi kèm theo đó vẫn còn tiềm ẩn nhiều khó khăn tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp. Trong bối cảnh đó, dưới sự dẫn dắt của HĐQT, cùng với sự nỗ lực của đội ngũ Ban Giám đốc Điều hành và toàn thể cán bộ công nhân viên của Công ty, SJF đã đạt được những kết quả đáng khích lệ. Doanh thu thuần hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 đạt 917 tỷ đồng, và Lợi nhuận sau thuế đạt 44,2 tỷ đồng.

Năm 2018, dự kiến tình hình cạnh tranh sẽ tiếp tục trở nên khó khăn hơn cùng với những biến động khó lường về kinh tế, chính trị - xã hội trong và ngoài nước. Đứng trước những thách thức này, SJF luôn chú trọng việc giữ vững và phát huy giá trị văn hóa Công ty, vừa giữ gìn thương hiệu bền vững, vừa dám thay đổi để phát triển mạnh mẽ, tiếp tục vững bước trên con đường phát triển của mình để đạt được những mục tiêu đã đặt ra. HĐQT cùng Ban Điều hành trong việc xây dựng mục tiêu chiến lược và Kế hoạch Kinh doanh cho năm 2018 với các nội dung chính sau:

- Nông nghiệp: Xây dựng chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp sạch Nhật Bản từ trồng trọt, chăn nuôi đến bảo quản, chế biến (CN sấy lạnh) và phân phối để gia tăng giá trị sản phẩm nhằm hướng đến thị trường xuất khẩu và nội địa
- Tre ép Công nghiệp: Tập trung hoàn thành việc cải tiến, tự động hoá dây chuyền công nghệ sản xuất, nâng cao năng xuất, nhằm đạt được công xuất thiết kế với hiệu quả cao. Đồng thời nhanh chóng hoàn thiện việc đầu tư vùng nguyên liệu tre lớn tại Mai Châu, nhằm đáp ứng đủ và ổn định nguồn tre đầu vào cho nhà máy sản xuất tre ép công nghiệp
- Xây dựng chuỗi kết nối giá trị toàn cầu về Thương mại, Công nghệ và Đầu tư.

HĐQT tin tưởng rằng với chiến lược kinh doanh đã được chuẩn bị kỹ lưỡng, phù hợp, chương trình hành động và kế hoạch triển khai cụ thể, cùng với đội ngũ lãnh đạo và cán bộ, công nhân viên tài năng, với ý chí và tinh thần trách nhiệm cao, sáng tạo và hợp tác, **SJF** chắc chắn sẽ vượt qua mọi khó khăn thách thức để gặt hái những thành quả xứng đáng.

Tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến các thành viên HĐQT, Ban Điều hành và toàn thể cán bộ, công nhân viên Công ty đã nỗ lực không ngừng để hoàn thành tốt nhất nhiệm vụ năm 2017. Thay mặt HĐQT, tôi xin cảm ơn sự tin tưởng và ủng hộ, sự đồng hành hỗ trợ của các đối tác và Quý cổ đông trong năm qua.

Thay mặt HĐQT

Chủ tịch



Nguyễn Trí Thiện



I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: *CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THÁI DƯƠNG*
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: *0105806767 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp lần đầu ngày 01 tháng 03 năm 2012, thay đổi lần thứ 7 ngày 23 tháng 06 năm 2016*
- Vốn điều lệ: 660.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: *660.000.000.000 đồng*
- Địa chỉ: Tầng 8, Tòa SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội
- Số điện thoại: (84-4) 33982626
- Số fax: (84-4) 33982626
- Website: *stdgroup.vn*
- Mã cổ phiếu: SJF

Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần đầu tư Sao Thái Dương được thành lập năm 2012 với mục đích ban đầu là đưa các sản phẩm chăm sóc sắc đẹp (mỹ phẩm) có nguồn gốc từ thiên nhiên (thảo dược hay hữu cơ như Sakura, ecoparadise..) từ các thị trường phát triển (Nhật Bản, Hàn Quốc..) đến với người tiêu dùng Việt Nam.

Trước mối lo ngại ngày càng tăng về vấn đề vệ sinh an toàn thực phẩm cũng như vấn đề ô nhiễm môi trường ở Việt Nam trong những năm gần đây và với nền tảng là các mối quan hệ với các công ty hàng đầu về công nghệ của Châu Âu và Nhật Bản, năm 2014 SJF tăng vốn lên 250 tỷ đồng để mở rộng đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp và tre ép công nghiệp nhằm tạo ra thực phẩm sạch và góp phần bảo vệ môi trường sinh thái đồng thời giải quyết vấn đề an sinh xã hội cho vùng miền núi Tây Bắc.

Đầu năm 2015 Công ty cùng các đối tác Nhật Bản thử nghiệm áp dụng một số công nghệ vi sinh tiên tiến vào trong lĩnh vực trồng trọt và chăn nuôi nhằm tìm ra công nghệ thích hợp nhất, hiệu quả nhất cho nền sản xuất nông nghiệp sạch của Việt Nam.

Trong năm 2015, SJF tăng vốn lên 660 tỷ đồng để tiếp tục đầu tư vào hai Nhà máy tre ép công nghiệp (tại hai tỉnh Hoà Bình và Điện Biên) và triển khai đầu tư chuỗi sản xuất nông nghiệp sạch theo công nghệ sinh học của 03 công ty SunStar Lacto Japan, Công ty Skylife (Nhật Bản) và Công ty Ecoparadise (Nhật Bản) nhằm tạo ra các thực phẩm sạch, chất lượng cao cho thị trường trong nước và xuất khẩu.

Đầu năm 2016 Công ty đã chính thức tiếp nhận chuyên giao độc quyền các công nghệ của Nhật Bản áp dụng trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp hữu cơ, sản xuất thực phẩm hữu cơ và xử lý ô nhiễm môi trường (nước thải trong sinh hoạt và công nghiệp chế biến thực phẩm). Các công nghệ này đã bước đầu cho kết quả tốt và được các doanh nghiệp cũng như người dân đánh giá cao về tính hiệu quả, năng suất và đặc biệt là tính đơn giản trong áp dụng, giúp người sử dụng có thể dễ dàng tạo ra các sản phẩm nông nghiệp chất lượng cao và sạch với chi phí hợp lý.

Tháng 4/2017, Sao Thái Dương (SJF) bắt đầu triển khai hợp tác toàn diện với CTCP Mía Đường Lam Sơn (LASUCO) để sản xuất nông nghiệp công nghệ cao ứng dụng công nghệ Nhật Bản và lập Xây dựng Nhà máy sản xuất tre công nghiệp công suất 100.000 m³/năm tại Thanh Hoá nơi tập trung nguồn nguyên liệu tre lớn nhất của cả nước, nhằm đáp ứng nhu cầu lớn của các sản phẩm tre sinh thái mà hiện tại Nhà máy BWG không đáp ứng được hết nhu cầu của thị trường trong nước và thế giới.

Tháng 07/2017: Công ty chính thức niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh, mã chứng khoán SJF.

Tâm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi:

Tâm nhìn:

Sao Thái Dương hướng đến trở thành thương hiệu mạnh hàng đầu trong khu vực trong lĩnh vực cung cấp các sản phẩm sinh thái chất lượng cao (tre ép công nghiệp, và thực phẩm công nghệ Nhật Bản), đem lại giá trị cao nhất cho nhà đầu tư, đối tác, cán bộ nhân viên và người nông dân Việt Nam.

Sứ mệnh:

Sứ mệnh của chúng tôi là Bảo vệ và Nâng cao sức khoẻ của con người và Trái đất thông qua việc giúp tạo ra môi trường sinh thái trong lành với những thực phẩm sạch, dinh dưỡng và an toàn tuyệt đối.

Thông qua áp dụng công nghệ tiên tiến nhất trong lĩnh vực công nghệ sinh học trong nông nghiệp và môi trường, chúng tôi giúp thay đổi nền sản xuất nông nghiệp Việt Nam theo hướng phát triển xanh, bền vững, đồng thời giải quyết vấn đề an sinh xã hội, xoá đói giảm nghèo cho bà con dân tộc vùng Tây Bắc.

Giá trị cốt lõi: 5 Giá trị

- ***Uy tín & chất lượng là quan trọng nhất:*** Không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, cung cấp các sản phẩm chất lượng cao nhất có thể; xây dựng và duy trì thương hiệu mạnh và uy tín đối với các đối tác và cộng đồng.
- ***Hợp tác đôi bên cùng có lợi:*** Luôn tạo ra và duy trì các mối quan hệ đôi bên cùng có lợi (win-win) với các đối tác, nhà cung cấp, cộng đồng và trong bản thân doanh nghiệp.
- ***Coi trọng Đổi mới và Sáng tạo:*** Luôn đổi mới để đi đầu trong việc ứng dụng những công nghệ tốt nhất để làm ra những sản phẩm tốt nhất. Những ý tưởng mới của cô đồng hay sáng kiến của mỗi cá nhân trong tổ chức là điều được trân trọng và khuyến khích giúp doanh nghiệp ở vị thế dẫn đầu trong ngành.
- ***Bảo vệ môi trường sinh thái:*** Chúng tôi luôn ý thức được tác động tiêu cực của các hoạt động của con người đối với môi trường và trái đất. Việc thực hành bảo tồn và bảo vệ môi trường tự nhiên để phát triển bền vững luôn là mối quan tâm hàng đầu của chúng tôi để giúp bảo tồn và phát triển nguồn tài nguyên cho các thế hệ tương lai.
- ***Môi trường làm việc tập thể với mỗi thành viên là một Samurai xuất sắc và hạnh phúc:*** Chúng tôi xây dựng văn hoá doanh nghiệp đề cao tinh thần làm việc tập thể, đoàn kết cùng nhau làm việc, trong đó mỗi cá nhân làm việc hết mình với tinh thần Samurai vì mục tiêu chung của tập thể. Chúng tôi tạo ra một môi trường làm việc chuyên nghiệp trong đó mọi người tôn trọng lẫn nhau và hỗ trợ nhau nhằm phát huy tối đa tiềm năng của mỗi cá nhân, giúp các thành viên

phát triển tốt nhất và luôn cảm thấy hạnh phúc trong công việc và cuộc sống

2. Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất tre ép công nghiệp (đồ gia dụng, nội thất, ván sàn, tấm lót đường và các sản phẩm tấm ép công nghiệp khác bằng tre);
- Sản xuất nông nghiệp công nghệ sinh học Nhật Bản; Chuyển giao công nghệ bao tiêu sản phẩm;
- Thương mại nông sản và vật tư nông nghiệp.

3. Các sản phẩm tiêu biểu

a. Giải pháp sản xuất nông nghiệp sạch ứng dụng công nghệ vi sinh Nhật Bản

Vi khuẩn có lợi gốc thực vật có nhiều tính năng vượt trội mang tên LBF (Lacto Bacillus Fermentum). Chế phẩm này đã được ứng dụng rộng rãi trên nhiều lĩnh vực: Nông nghiệp, môi trường, y tế, ... Hiện tại, Công ty đang phân phối các sản phẩm được ứng dụng trong sản xuất nông nghiệp (trồng trọt, chăn nuôi, xử lý môi trường), gồm có:



W LACT

Nước men Acid lactic kết hợp với thức ăn gia súc, dùng làm nước uống cho gia súc giúp tăng cường cải thiện môi trường chuồng trại.



LACT POWER A

Thực phẩm chức năng dành cho người. Cũng có thể sử dụng như một chất phụ gia thực phẩm.



ĐƯỜNG LACT POWER A

Thực phẩm chức năng dành cho người.



DẠNG VIÊN SỮI

Vị sữa chua, vị dâu. Thực phẩm chức năng dùng cho người.



LACT POWDER T

Sản phẩm dạng bột, hòa tan với một lượng nước vừa đủ cho vào nước uống hoặc thức ăn gia súc.



THẠCH LACT

Dùng làm nước uống cho gia súc. Có thể sử dụng được cả trong trồng trọt.

b. Thực phẩm sạch chất lượng cao



CAM CAO PHONG

Cam hữu cơ được ứng dụng Công nghệ vi sinh Nhật Bản



DƯA VÀNG CNC

Dưa vàng được trồng trong nhà lưới theo công nghệ Isareal



RAU SẠCH THỦY SINH

Rau được trồng trong nhà lưới theo phương pháp thủy sinh

c. Các sản phẩm tre ép Công nghiệp



TẤM LÓT ĐƯỜNG

Các tấm lót đường chịu lực và chịu được thời tiết khắc nghiệt trên mọi địa hình



THỚT TRE SẠCH

Thớt tre sản xuất theo Công nghệ Châu Âu, tiêu chuẩn E0 đảm bảo sức khỏe cho người tiêu dùng

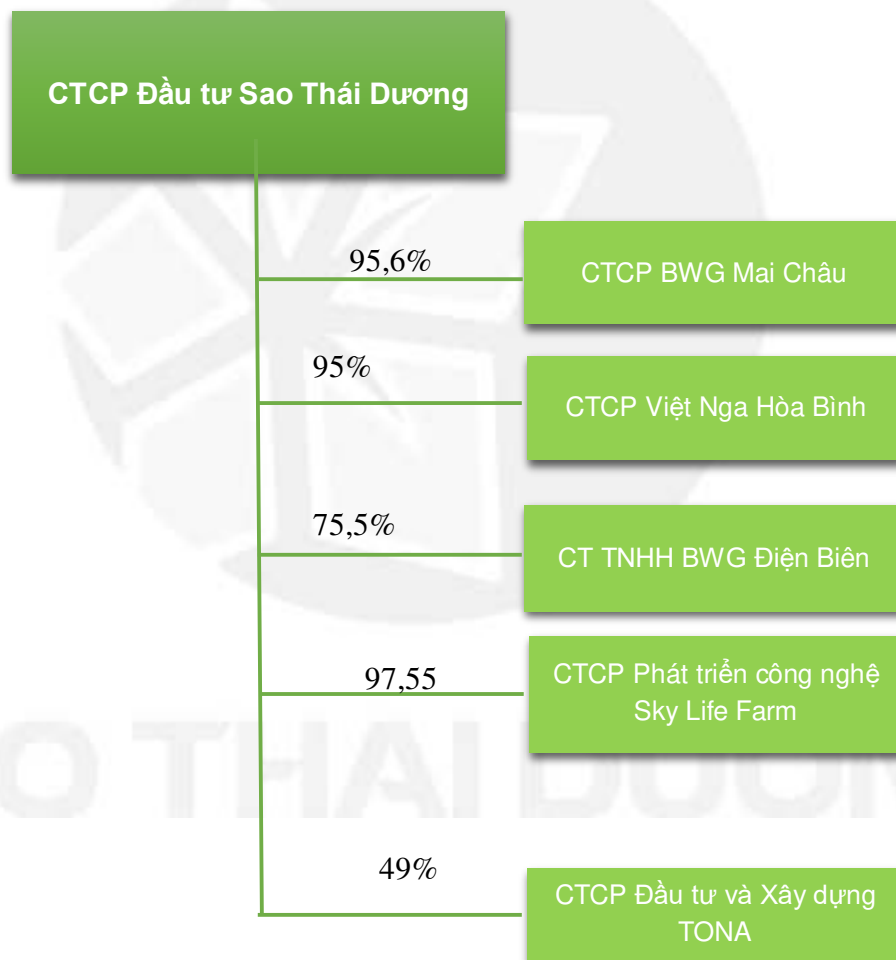


VÁN ÉP THANH, VÁN SÀN

Ván ép thanh và ván sàn tre Công nghệ cao

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

a. Mô hình quản trị:



Các công ty con

• **Công ty Cổ phần BWG Mai Châu**

- Giấy chứng nhận ĐKDN số 5400454416 do Sở KH&ĐT tỉnh Hòa Bình cấp ngày 26/09/2014
- Địa chỉ: Cụm công nghiệp xã Chiềng Châu, huyện Mai Châu, Hòa Bình
- Điện thoại: 0916 169307
- Vốn điều lệ: 220.000.000.000 (Hai trăm hai mươi tỷ) đồng
- Tỷ lệ nắm giữ của Sao Thái Dương: 95,6%
- Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất và kinh doanh tre ép công nghiệp

• **Công ty Cổ phần Việt Nga Hòa Bình**

- Giấy chứng nhận ĐKDN số 5400386646 do Sở KH&ĐT tỉnh Hòa Bình cấp ngày 08/03/2012
- Địa chỉ: Tiểu khu 4, Thị trấn Mai Châu, huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình
- Điện thoại: 0904597568
- Vốn điều lệ: 100.000.000.000 (Một trăm tỷ) đồng
- Tỷ lệ nắm giữ của Sao Thái Dương: 95%
- Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất và kinh doanh tre ép công nghiệp

• **Công ty Cổ phần Phát triển công nghệ Sky Life Farms**

- Giấy chứng nhận ĐKDN số 0103602616 do Sở KH&ĐT TP Hà Nội cấp ngày 17/03/2009
- Địa chỉ: Phòng 301, tầng 3 số 5B, ngõ 55 Huỳnh Thúc Kháng, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội
- Điện thoại: 0915412060
- Vốn điều lệ: 100.000.000.000 (Một trăm tỷ) đồng
- Tỷ lệ nắm giữ của Sao Thái Dương: 97,55%
- Ngành nghề kinh doanh chính: Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp

• **Công ty TNHH BWG Điện Biên**

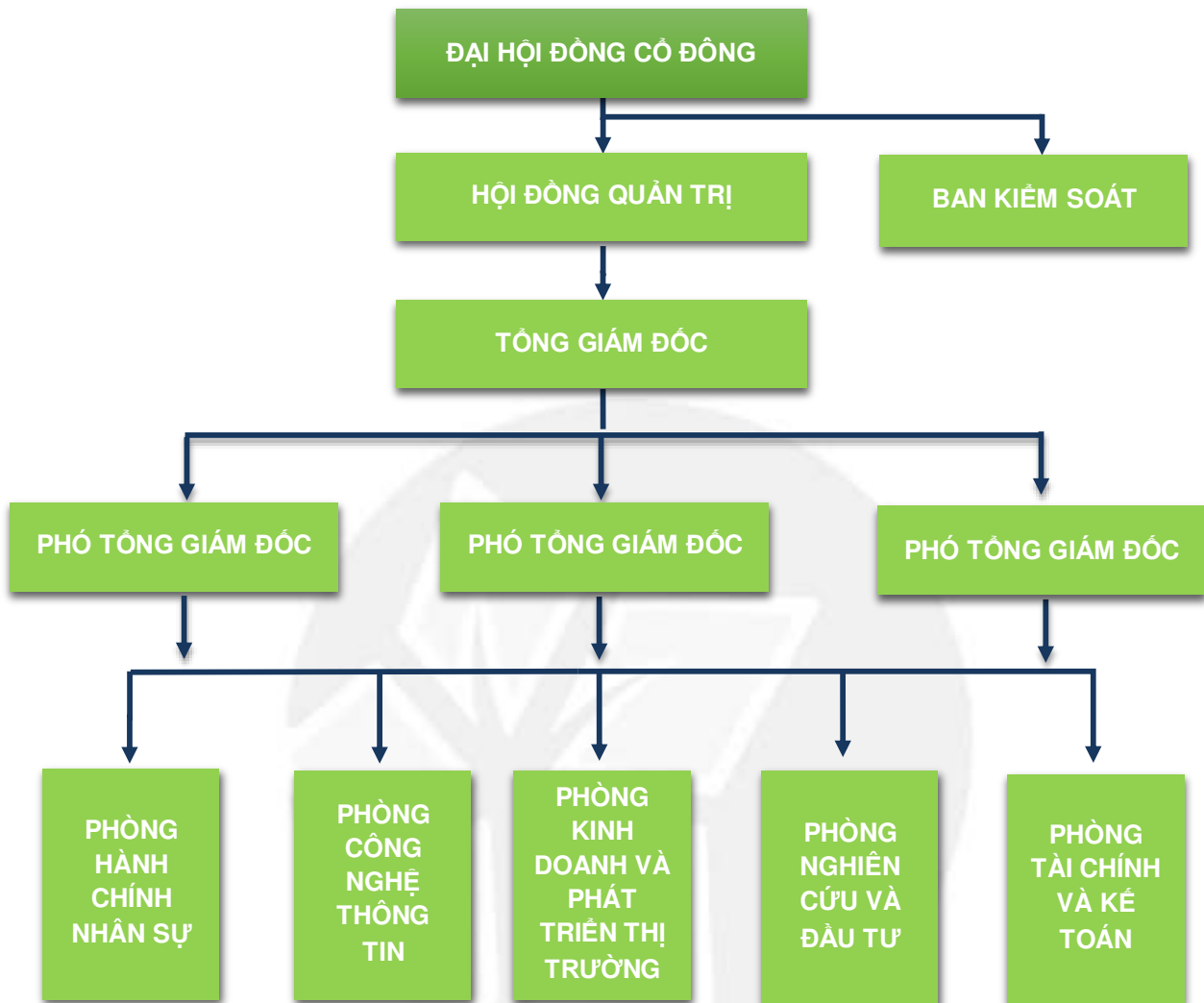
- Giấy chứng nhận ĐKDN số 5600232393 do Sở KH&ĐT tỉnh Điện Biên cấp ngày 14/01/2011
- Địa chỉ: Bán Phú Ngam, xã Núa Ngam, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên
- Điện thoại: 0904922055
- Vốn điều lệ: 80.000.000.000 (Tám mươi tỷ) đồng
- Tỷ lệ nắm giữ của Sao Thái Dương: 75,5%
- Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất và kinh doanh tre ép công nghiệp

Các công ty liên kết

• **Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TONA**

- Giấy chứng nhận ĐKDN số 0104770701 do Sở KH&ĐT TP Hà Nội cấp ngày 01/07/2010
- Địa chỉ: Số 1, tổ 8 phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
- Điện thoại: 0912102246
- Vốn điều lệ: 300.000.000.000 (Ba trăm tỷ) đồng
- Tỷ lệ nắm giữ của Sao Thái Dương: 49%
- Ngành nghề kinh doanh chính: Xây dựng nhà và hạ tầng kỹ thuật

b. Cơ cấu bộ máy quản lý:



5. Thế mạnh của SJF

- **Đi đầu trong phát triển tre công nghiệp ở Đông Nam Á với công suất 200.000 m³/năm.** Khả năng gia nhập ngành tre ép công nghiệp tại Việt Nam cũng như khu vực là rất khó do tính chất kỹ thuật của ngành, mất nhiều chi phí và thời gian;
- **Duy nhất tại Việt Nam có thể sản xuất Tấm lót đường tạm thời bằng tre** (giúp tiếp cận các khu vực như đầm lầy, rừng nguyên sinh, công trình khai thác mỏ...mà không cần phải làm đường), hiện SJF đang cung cấp cho đối tác chiến lược Crocodile Products Inc. đến từ Canada;
- **Duy nhất ở Việt Nam sản xuất các đồ gia dụng bằng tre ép công nghiệp cho Tập đoàn IKEA;**
- **Duy nhất tại Việt Nam có thể sản xuất sản phẩm ván sàn ngoài trời chất lượng cao bằng tre (decking) công nghệ Canada-Đức:** là sản phẩm tốt nhất trong các dòng sản phẩm ván sàn ngoài trời hiện nay trên thị trường;
- **Duy nhất tại Đông Nam Á sở hữu Công nghệ bảo quản cấp đông mềm Nhật bản:** Công nghệ sử dụng nguyên lý điện từ trường, hoàn toàn không dùng hoá chất, giúp bảo quản hoa quả thực phẩm kéo dài thêm 3-6 tháng, giúp điều hòa phân phối và cung cấp nông sản trái vụ. Là giải pháp cho vấn đề "được mùa mất giá" ở Việt Nam;

- ***Độc quyền sở hữu các Giải pháp Công nghệ sinh học tiên tiến Nhật Bản dụng trong sản xuất nông nghiệp sạch:*** Các chuyên gia Nhật Bản điều hành và hướng dẫn trực tiếp sản xuất nông nghiệp cùng với sự cố vấn của các giáo sư hàng đầu tại Nhật Bản và Việt Nam.

6. Cơ hội và triển vọng

- Người dân đang dần ý thức được việc cần thiết phải sử dụng thực phẩm sạch để bảo vệ sức khỏe cho bản thân và gia đình. Do vậy tiềm năng về ngành này là vô cùng lớn, đặc biệt với các doanh nghiệp có được công nghệ nông nghiệp sạch và có đủ năng lực tài chính;
- Xu hướng sử dụng vật liệu tre thay thế gỗ đang là xu hướng chung của toàn thế giới và là xu hướng tất yếu do tre có các đặc tính ưu việt hơn gỗ rất nhiều. Vì vậy tiềm năng phát triển cho các nhà máy sản xuất tre của SJF là rất lớn. Thực tế năng lực sản xuất của các nhà máy của SJF còn quá thấp so với nhu cầu thị trường;
- Mặt hàng Tầm lót đường rất được thị trường Châu Âu và Châu Mỹ rất ưa chuộng trong nền công nghiệp khai thác mỏ & công trình lớn do chi phí thấp và độ bền cao. Đặc biệt khi các đạo luật về bảo vệ môi trường tự nhiên yêu cầu hoàn trả nguyên trạng môi trường xung quanh sau khi khai thác đã được áp dụng thì xu hướng sử dụng tầm lót đường tại khu vực này là tất yếu. Thực tế một số địa phương ở Mỹ cấm sử dụng tầm lót đường bằng gỗ. Ngành công nghiệp tầm lót đường được đánh giá là ngành công nghiệp trăm tỷ đô trên thế giới.

7. Mục tiêu chiến lược giai đoạn tới

1. Duy trì vị trí Số 1 về SX Tre ép công nghiệp ở Việt Nam
 - *Doanh thu về Tre ép CN đạt 1.000 tỷ trong vòng 03 năm*
 - *Phát triển vùng nguyên liệu tre 2.000 ha trong vòng 03 năm*
2. Số 1 về Tổng kho bảo quản tươi sống ở VN kết hợp sản xuất sản phẩm sấy khô lạnh chất lượng Nhật Bản.
 - *Tập trung vào hoa quả đặc sản giá trị cao*
 - *Xây dựng tổng kho ở các vùng nguyên liệu*
 - *Hợp tác với các DN lớn sản xuất nông nghiệp*
 - *Sản xuất các sản phẩm sấy khô lạnh công nghệ Nhật Bản.*
3. Top 3 Thương hiệu thực phẩm chất lượng cao tại Việt Nam
 - *Đầu tư trang trại sinh thái Aquaponic nuôi công nghệ mới nhất (kết hợp CN Mỹ- Nhật) kết hợp du lịch sinh thái tại Mai Châu.*
 - *Cung cấp giải pháp CN Nhật Bản*
 - *Phân phối sản phẩm nông sản thương hiệu Sunstar Lacto Farm*
 - *Hợp tác đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất phân bón hữu cơ công nghệ Nhật Bản.*
4. Xây dựng chuỗi giá trị toàn cầu về Thương mại, Công nghệ và Đầu tư
 - *Kết hợp với các doanh nghiệp tiên phong về thương mại, Công nghệ mới đột phá để xây dựng chuỗi cung ứng toàn cầu và đưa công nghệ mới nhất cùng dòng vốn về Việt Nam.*



II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm: Năm 2017, Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương tiếp tục thực hiện chiến lược phát triển trọng tâm trong lĩnh vực Nông sản sạch và Tre Công nghiệp, cung cấp những sản phẩm sạch, an toàn, thân thiện với môi trường và có khả năng truy xuất nguồn gốc rõ ràng.
- Tình hình thực hiện so với kế hoạch:
 Năm 2017, vùng hoạt động chính của SJF bị ảnh hưởng xấu từ tình hình thời tiết, hoạt động sản xuất kinh doanh gặp nhiều khó khăn nên kết quả hoạt động kinh doanh đã không đạt được như kế hoạch đã đặt ra tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017, cụ thể như sau:

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Năm 2017	% hoàn thành kế hoạch năm
1	Doanh thu thuần hợp nhất	1.200	968,1	81%
2	Lợi nhuận hợp nhất sau thuế	75	44,2	59%

2. Tổ chức và nhân sự

❖ Ban tổng giám đốc

STT	Họ và tên	Chức danh
1	Ông Nguyễn Tấn Đạt	Tổng giám đốc
2	Ông Nguyễn Xuân Nam	Phó Tổng giám đốc
3	Ông Masayuki Takeuchi	Phó Tổng giám đốc
4	Ông Nguyễn Huy Quảng	Phó Tổng giám đốc

- Ông Nguyễn Tấn Đạt - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc

- Ông Nguyễn Tấn Đạt là người có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực điều hành, quản lý đầu tư, tư vấn thiết kế dự án, nội thất... ở các tập đoàn lớn. Ông Đạt là người rất tâm huyết và đam mê với phát triển và ứng dụng vật liệu sinh thái tre mà ông gọi là “Vật liệu hạnh phúc” vào các dự án kiến trúc và nội thất. Ông Đạt có 6 năm kinh nghiệm phát triển vật liệu tre tại CTCP tre Trúc Xuân và CTCP BWG Mai Châu giúp tạo ra nhiều dòng sản phẩm công nghiệp, gia dụng và nội thất tre. Với nhiều năm kinh nghiệm điều hành doanh nghiệp, hợp tác với các tổ chức tư vấn quốc tế lớn, ông Đạt đã và đang đưa Công ty Sao Thái Dương theo đúng chiến lược và định hướng phát triển mà Công ty đang theo đuổi.
- Ông Đạt là KTS và Thạc sỹ trường Đại Học Kiến Trúc Hà Nội, đã từng tham quản lý điều hành tại nhiều Công ty lớn như HUD-CIC, Công ty CP Phát triển đô thị Từ Liêm, CTCP Đầu tư xây dựng và Phát triển đô thị Sông Đà và CTCP ĐT và XD Tona.
- **Ông Nguyễn Xuân Nam – Thành viên hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc**
 - Ông Nguyễn Xuân Nam là chuyên gia trong lĩnh vực cơ khí chế tạo máy và tự động hoá. Ông từng tham gia quản lý và điều hành nhiều doanh nghiệp sản xuất trong nước và quốc tế trong các lĩnh vực khác nhau. Ông tham gia tập đoàn Sao Thái Dương từ năm 2013 phụ trách hệ thống máy móc thiết bị và công nghệ của các nhà máy tre và nhà máy sản xuất chế phẩm vi sinh của Nhật Bản.
 - Ông Nguyễn Xuân Nam có bằng Kỹ sư Công Nghệ và Cơ khí chế tạo máy từ Tiệp Khắc. Ông từng làm việc tại nhiều công ty lớn trong nước và quốc tế: KOVOSVIT MAS, Công ty Máy nông nghiệp Hà Tây, Công ty liên doanh SUNWAY Hà tây, CTCP CP XDXD & VLXD THK, CTCP TC- ĐT & DV FISC.
- **Ông Masayuki Takeuchi – Phó Tổng Giám Đốc Phụ trách Công nghệ Sinh học và Nông nghiệp**
 - Ông Masayuke Takeuchi là chuyên gia giàu kinh nghiệm trong lĩnh vực công nghệ sinh học và sản xuất nông nghiệp hữu cơ tại Nhật Bản và quốc tế. Ông là người sáng tạo ra hệ thống công nghệ thủy canh đã được ứng dụng rộng rãi tại Nhật Bản và nhiều nước trên thế giới. Mong muốn của ông là giúp Sao Thái Dương và Việt Nam xây dựng được nền nông nghiệp bền vững với những sản phẩm chất lượng Nhật Bản cho người dân Việt Nam và xuất khẩu về Nhật Bản.
 - Ông Masayuke Takeuchi là đồng sáng lập Công ty Hokuyo Engineering và Sunstar Lacto Japan, chuyên cung cấp các sản phẩm sinh học và công nghệ cao trong nông nghiệp. Ông là chìa khoá thành công của Sao Thái Dương trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp và thực phẩm.
- **Ông Nguyễn Huy Quảng – Phó Tổng Giám Đốc kiêm Kế toán trưởng**
 - Ông Nguyễn Huy Quảng là thành viên chủ chốt của Sao Thái Dương từ những ngày đầu xây dựng và đã trải qua nhiều vị trí và vai trò khác nhau. Hiện nay Ông là Phó tổng giám đốc kiêm Kế toán trưởng của Sao Thái Dương. Ông Quảng có nhiều năm kinh nghiệm quản lý tài chính và kế toán ở các tổ chức lớn: Công ty liên doanh Nippon Express Việt Nam, BQL Dự án HAARP-Bộ Y tế, Công ty CP BWG Mai Châu.
 - Ông Nguyễn Huy Quảng tốt nghiệp trường Đại Học Thương Mại khoa Tài Chính-Kế toán và đã từng qua nhiều khoá đào tạo về tài chính, kế toán trưởng và kiểm toán.

3. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	1.121.463.824.060	1.232.660.569.603	9,92%
Doanh thu thuần	1.148.239.290.045	917.848.317.807	(20,06)%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	69.249.334.174	56.645.462.789	(18,20)%
Lợi nhuận khác	(1.608.335.135)	(1.439.617.782)	(10,49)%
Lợi nhuận trước thuế	67.640.999.039	55.205.845.007	(18,38)%
Lợi nhuận sau thuế	65.705.516.599	44.222.730.795	(32,70)%

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Đơn vị	2016	2017
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
– Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	Lần	2,26	1,89
– Hệ số thanh toán nhanh [(TSLĐ – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn]	Lần	2,02	1,78
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
– Tổng nợ phải trả/Tổng tài sản	Lần	0,25	0,31
– Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,33	0,46
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
– Vòng quay hàng tồn kho (GVHB/Hàng tồn kho bình quân)	Lần	24,25	27,9
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
– Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	5,72	4,82
– Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/NVCSH	%	7,76	5,23
– Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	5,86	3,59
– Tỷ suất Lợi nhuận HĐSXKD/Doanh thu thuần	%	6,03	5,70

5. Cơ cấu cổ đông:

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 66.000.000 Cổ phần Phổ Thông
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 46.608.000 Cổ phần
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 19.392.000 Cổ phần (Cổ phần của Ban lãnh đạo hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ khi niêm yết).

b) Cơ cấu cổ đông:

❖ **Cơ cấu cổ đông trong và ngoài nước**

STT	Danh mục cổ đông	Cổ đông trong nước			Cổ đông nước ngoài		
		SLCP	Tỷ lệ sở hữu	SLCĐ	SLCP	Tỷ lệ sở hữu	SLCĐ
1	Cổ đông lớn (+5%)	22.167.000	33,586%	5	0	0%	0
2	Cổ đông khác	43.798.900	66.362%	344	34.100	0,052%	3
Tổng cộng		66.000.000	99,948%	349		0%	0

❖ **Tỷ lệ sở hữu cổ đông lớn**

STT	Tên cổ đông	SLCP nắm giữ	Tỷ lệ %/VĐL
1	Công ty Cổ phần đầu tư HAFA	8.100.000	12,27
2	Nguyễn Trí Thiện	3.960.000	6,00
3	Nguyễn Tấn Đạt	3.432.000	5,20
5	Bùi Thị Hạnh Tâm	3.375.000	5,11
6	Nguyễn Xuân Nam	3.300.000	5,00

❖ **Cơ cấu cổ đông và tỷ lệ sở hữu**

Cổ đông	Số lượng Cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
				Tổ chức	Cá nhân
Cổ đông nhà nước	-	-	-	-	-
Cổ đông sáng lập/ cổ đông FDI	4.930.000	7,470%	3	-	3
Trong nước	4.930.000	7,470%	3	-	3
Nước ngoài	-	-	-	-	-
Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% vốn CP trở lên)	22.167.000	33,59%	5	1	4
Trong nước	22.167.000	33,59%	5	1	4
Nước ngoài	-	-	-	-	-
Công đoàn Công ty	-	-	-	-	-
Trong nước	-	-	-	-	-
Nước ngoài	-	-	-	-	-
Cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-
Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-	-
Cổ đông khác	38.903.000	58,94%	344	1	343

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THÁI DƯƠNG (SJF)

Trong nước	38.868.900	58,89%	341	1	343
Nước ngoài	34.100	0.05%	3	-	3
TỔNG CỘNG	66.000.000	100%	352	2	350
Trong đó: - Trong nước	65.965.000	99,95%	349	2	347
- Nước ngoài	34.100	0.052%	3	-	3

c) *Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:* Trong năm 2017 Công ty không có sự thay đổi về vốn đầu tư của chủ sở hữu

d) *Giao dịch cổ phiếu quỹ:* Không có

e) *Các chứng khoán khác:* Không có

**SAO THAI DƯƠNG**



III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Báo cáo hoạt động kinh doanh năm 2017

Trong năm 2017, vùng hoạt động sản xuất kinh doanh chính của SJF là vùng Tây Bắc hứng chịu trận mưa lũ lớn nhất trong vòng 70 năm qua gây ra nhiều thiệt hại về người và của đồng thời ảnh hưởng lớn tới tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty, theo đó:

- Hoạt động thu mua và thương mại nông sản tại các khu vực này không đạt được như kế hoạch.
- Nhà máy tre BWG Mai Châu bị dừng sản xuất hơn một tháng để khắc phục hậu quả do thiên tai, nguồn cung cấp tre đầu vào cũng bị ảnh hưởng.
- Đồng thời các trang trại cung cấp thực phẩm cho Công ty tại vùng phụ cận cũng bị thiệt hại nặng nề.

Mặc dù vậy, Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương vẫn nỗ lực giữ vững và thực hiện các chiến lược phát triển trọng tâm trong các lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính của mình:

Các hoạt động nghiên cứu và phát triển sản phẩm và cải tiến nâng cấp quy trình của SJF lại có một số đột phá có thể kể tới như sau:

- Cải tiến công nghệ sấy, ngâm và ép của sản phẩm tre công nghiệp tại nhà máy BWG giúp giảm tiêu hao nguyên vật liệu và gia tăng biên lợi nhuận cho sản phẩm tấm lót đường và các sản phẩm tre ép khối khác một mức đáng kể.
- Học hỏi kinh nghiệm và áp dụng các quy trình sản xuất từ các nhà cung cấp đồ gia dụng từ tre lớn nhất của IKEA tại Trung Quốc giúp giảm thiểu đáng kể nguyên vật liệu tiêu hao và các sản phẩm loại đối với các sản phẩm ép nan thanh.
- Thí điểm mô hình Aquaponic đạt được những thành công bước đầu với mức biên lợi nhuận lớn hơn so với các sản phẩm cùng phân khúc trên thị trường hiện tại.

Lĩnh vực Nông sản sạch và Tre Công nghiệp, cung cấp những sản phẩm sạch, an toàn, thân thiện với môi trường và có khả năng truy xuất nguồn gốc rõ ràng. Trong năm 2017, Tập đoàn Sao Thái Dương tiếp tục hiện thực hóa điều này thông qua:

- (i) Triển khai thí điểm mô hình Aquaponics (nuôi cá kết hợp thủy canh LBF) tại Hưng Yên dự kiến sẽ nhận rộng mô hình này tại các địa phương có lợi thế và các loại cá đặc sản như Mai

Châu (cá Dầm xanh) hay Lào Cai (cá Hồi) trong năm 2018-2019. Đây là một bước tiến quan trọng của SJF trên hành trình trở thành Công ty cung cấp thực phẩm hữu cơ sạch hàng đầu trong khu vực;

- (ii) Áp dụng quy trình truy nguyên nguồn gốc (COC, FSC) các sản phẩm từ tre giúp khách hàng có thể truy xuất nguồn gốc rõ ràng xuất xứ của sản phẩm từ nguyên liệu đầu vào. Dự kiến sẽ tiếp tục triển khai và hoàn thành quy trình truy nguyên cho thực phẩm hữu cơ của SJF vào năm 2019 giúp người sử dụng có thể truy xuất nguồn gốc thực phẩm một cách dễ dàng. Với các thể mạnh đã có, các lĩnh vực hoạt động chính của SJF đã có sự tăng trưởng ổn định trong các năm qua.

Hoạt động nông sản và hoạt động thương mại trong lĩnh vực phân phối vật tư nông nghiệp (phân bón hữu cơ, phân bón tổng hợp) vẫn nỗ lực duy trì tương đối ổn định.

Các mảng hoạt động khác vẫn được các công ty con và công ty liên kết duy trì ổn định. Ngoài ra, kết quả kinh doanh của tập đoàn còn được đóng góp bởi các thu nhập khác như: thu nhập từ hoạt động kinh doanh phân bón, thu nhập hoạt động tài chính,...

2. Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2017

Trong bối cảnh khó khăn, Ban Điều hành đã nỗ lực và cố gắng tối đa để khắc phục hậu quả trong thời gian ngắn nhất để đưa các hoạt động sản xuất kinh doanh sớm đi vào hoạt động bình thường trở lại. Các chỉ tiêu kết quả kinh doanh đều ở mức khả quan hơn so với dự kiến ảnh hưởng thiệt hại ban đầu của Ban Điều hành, cụ thể như sau:

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2016		Năm 2017	
		Hợp nhất	Công ty mẹ	Hợp nhất	Công ty mẹ
1	Tổng: Doanh thu thuần về Bán hàng và cung cấp dịch vụ, Doanh thu hoạt động tài chính, Thu nhập khác	1.158,7	637,0	968,1	780,9
	<i>(trong đó Doanh thu thuần về Bán hàng và cung cấp dịch vụ là:)</i>	<i>1.148,2</i>	<i>631,6</i>	<i>917,8</i>	<i>776,9</i>
2	Lợi nhuận trước thuế	67,6	4,8	55,2	1,9
3	Lợi nhuận sau thuế	65,7	3,8	44,2	1,5

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Năm 2017	% hoàn thành kế hoạch năm
1	Tổng: Doanh thu thuần về Bán hàng và cung cấp dịch vụ, Doanh thu hoạt động tài chính, Thu nhập khác.	1.200	968,1	81%

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Năm 2017	% hoàn thành kế hoạch năm
2	Lợi nhuận hợp nhất sau thuế	75	44,2	59%

2.1 Đánh giá các hoạt động của Công ty

a. Hoạt động với cổ đông và nhà đầu tư.

Năm 2017, Bộ phận quan hệ nhà đầu tư của Sao Thái Dương đã đi vào hoạt động được 01 năm kể từ khi thành lập, và tiếp tục hoàn thành tốt các hoạt động cung cấp thông tin chiến lược, tình hình kinh doanh của công ty góp phần nâng cao tính minh bạch cho Công ty trong mắt các cổ đông và nhà đầu tư tiềm năng:

- Tuân thủ các quy định về Công bố thông tin, công bố các báo cáo định kỳ tới UBCKNN và HSX, đăng tải đầy đủ các nội dung cho nhà đầu tư trên website của công ty;
- Cung cấp kịp thời các thông tin quan trọng về tình hình cũng như chiến lược của Công ty cho nhà đầu tư;

b. Tình hình niêm yết cổ phiếu

Trong năm 2017, thực hiện theo phương án đã được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt, Tập đoàn đã hoàn thành việc niêm yết cổ phiếu SJF trên sàn giao dịch chứng khoán HCM vào tháng 07/2017, đáp ứng các yêu cầu minh bạch về quản lý kế toán, báo cáo tài chính.

c. Tình hình đầu tư và M&A trong năm 2017

Với mô hình hoạt động theo hình thức Tập đoàn trong đó Công ty mẹ đóng vai trò là Công ty quản lý vốn và điều phối sự phối hợp sản xuất, kinh doanh, phân phối và quản lý đầu ra giữa các công ty thành viên, trong năm 2017 Sao Thái Dương đã làm việc và tiếp xúc với một số Công ty tiềm năng trong lĩnh vực nông sản và thương mại và dự kiến SJF sẽ tiếp tục thực hiện chiến lược phát triển thông qua M&A để hoàn thiện chuỗi cung ứng sản phẩm của mình trong năm 2018.

d. Hoạt động quản lý Tài chính kế toán:

- Đội ngũ Tài chính kế toán của SJF đã chấp hành nghiêm chỉnh việc lập và thực hiện báo cáo tài chính theo đúng chuẩn mực kế toán và thực hiện công tác báo cáo và công bố thông tin theo đúng quy chế công bố thông tin nhằm tạo sự minh bạch đối với các cổ đông.
- Tiếp tục hoàn thiện các biện pháp quản lý tốt và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn trong quá trình kinh doanh, đầu tư và thực hiện dự án và các quy trình thanh toán, kiểm soát các hoạt động tài chính công ty con, công ty liên kết.
- Xây dựng và hoàn thiện quy trình truy nguyên nguồn gốc sản phẩm trên hệ thống kế toán tại các Công ty con, giúp làm minh bạch nguồn gốc sản phẩm.



IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị:

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

❖ Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức danh
1	Ông Nguyễn Trí Thiện	Chủ tịch Hội đồng quản trị
2	Ông Nguyễn Xuân Nam	Thành viên kiêm Phó Tổng giám đốc
3	Ông Nguyễn Tấn Đạt	Thành viên kiêm Tổng giám đốc
4	Ông Yoshiro Komiyama	Thành viên HĐQT
5	Ông Phạm Quang Chất	Thành viên HĐQT

▪ Ông Nguyễn Trí Thiện - Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư cơ khí Đại học California State University of Long Beach
- Kinh nghiệm: Ông Nguyễn Trí Thiện với hơn 20 năm sống và làm việc tại Hòa Kỳ, đảm nhiệm nhiều vị trí quan trọng trong các doanh nghiệp Mỹ và Việt Nam, Ông là người có bề dày kinh nghiệm về phát triển kinh doanh, phát triển thương hiệu và điều hành quản lý sản xuất tại các tập đoàn lớn.
- Từ năm 2001-2011 ông giữ chức vụ quản lý kinh doanh cao cấp tại TOYOTA – California USA, Công ty Vncent Construction – California USA
- Từ năm 2014 đến tháng 4 năm 2016 với vai trò là Chủ tịch HĐQT Công ty CP ĐT và SX Thống Nhất, từ năm 2013 đến 2016, ông đã đưa Công ty CP ĐT SX Thống Nhất (GTN Foods) trở thành tập đoàn lớn về thực phẩm (chè, sữa, rượu vang).
- Ông đảm nhiệm vị trí Chủ tịch HĐQT từ tháng 4 năm 2016.

▪ Ông Nguyễn Xuân Nam - Thành viên hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc

▪ Ông Nguyễn Tấn Đạt - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc

▪ Ông Yoshiro Komiyama- Thành viên Hội đồng quản trị

- Trình độ chuyên môn : Tiến sĩ

- Kinh nghiệm: Ông Yoshiro Komiyama là chuyên gia hàng đầu của Nhật Bản về nghiên cứu và ứng dụng công nghệ sinh học trong nông nghiệp, Công nghệ Bảo quản và xử lý môi trường.
- Ông đã từng nắm nhiều vị trí quan trọng của các Tập đoàn lớn về sản xuất thực phẩm của Nhật Bản (Itochu Foods, Washabi China), là chủ tịch Công ty Biotec Corporation chuyên về thiết bị bảo quản, và là Giám đốc công ty Sunstar Lacto Japan chuyên về các chế phẩm sinh học và nông nghiệp công nghệ cao của Nhật Bản.
- Ông đảm nhiệm vị trí Chủ tịch HĐQT từ tháng 4 năm 2016
- **Ông Phạm Quang Chất - Thành viên Hội đồng quản trị**
- Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ
- Kinh nghiệm: Ông Phạm Quang Chất là người có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý điều hành trong cơ quan nhà nước trong lĩnh vực an ninh, văn hóa.
- Ông đảm nhiệm vị trí Thành viên HĐQT từ tháng 4 năm 2016.

b. Hoạt động của Hội đồng quản trị.▪ **. Báo cáo hoạt động của HĐQT**

- ❖ HĐQT tổ chức giám sát và chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh thông qua các cuộc họp trong năm:

STT	Số	Thời gian	Nội dung chính
01	1404/STD-HĐQT	14/04/2017	V/v: Thông qua phương án góp vốn thành lập các công ty
02	02/2017/NQHĐQT-SJF	30/06/2017	V/v: Thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2017
03	03/2017/NQHĐQT-SJF	07/07/2017	V/v: Thông qua việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017
04	04/2017/NQHĐQT-SJF	16/08/2017	V/v: Tái cấu trúc sở hữu các Công ty trong hệ thống

Tình hình tham dự của từng thành viên HĐQT như sau:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ
01	Ông Nguyễn Trí Thiện	Chủ tịch HĐQT	4/4	100%
02	Ông Nguyễn Xuân Nam	Thành viên HĐQT	4/4	100%
03	Ông Nguyễn Tấn Đạt	Thành viên HĐQT	4/4	100%
04	Ông Yoshiro Komiyama	Thành viên HĐQT	4/4	100%
05	Phạm Quang Chất	Thành viên HĐQT	4/4	100%

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

Hội đồng quản trị công ty gồm 5 thành viên, trong đó có 1 thành viên kiêm Tổng giám đốc còn lại các thành viên đều làm việc theo chế độ chuyên trách nên việc tập trung giải quyết các công việc thuộc thẩm quyền tương đối nhanh chóng kịp thời. Việc quản lý, chỉ đạo SXKD, các nhiệm vụ trong năm được thực hiện tuân thủ đúng theo quy định và Điều lệ Công ty.

Hội đồng quản trị công ty hoạt động theo nguyên tắc tập thể, quyết định theo đa số, các vấn đề thuộc thẩm quyền thuộc HĐQT đều được thảo luận trực tiếp tại các phiên họp, các quyết định của HĐQT ban hành được 100% Thành viên HĐQT thống nhất thông qua.

Trong năm 2017, HĐQT đã có 4 phiên họp để xem xét, quyết định các vấn đề liên quan đến chiến lược, đầu tư, tài chính kế toán và các quy chế, quy định nội bộ... Các thành viên tham gia đầy đủ, nghiêm túc và đóng góp ý kiến trên tinh thần xây dựng cao.

Định kỳ hàng tháng Hội đồng quản trị phối hợp với Ban kiểm soát Công ty thông qua các đợt kiểm tra định kỳ để giám sát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, qua đó chỉ ra những tồn tại, hạn chế và đưa ra những biện pháp khắc phục.

▪ *Đánh giá về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017*

Năm 2017 kết thúc trong điều kiện tình hình quốc tế và trong nước có nhiều biến động, Chính phủ đã có những chỉ đạo kịp thời, điều hành chủ động nhằm kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, thúc đẩy tăng trưởng. Cộng đồng doanh nghiệp đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh nói chung ổn định và ngày càng tốt hơn... Công ty với việc triển khai đồng bộ và quyết liệt các giải pháp ngay từ đầu năm, hoạt động kinh doanh bám sát diễn biến điều hành vĩ mô của Nhà nước, cùng sự cố gắng nỗ lực của Công ty và các đơn vị thành viên, kết quả đạt được của Tập đoàn năm 2017

Mặc dù gặp nhiều khó khăn do khách quan, tuy nhiên HĐQT đánh giá cao Ban điều hành đã nỗ lực khắc phục và cố gắng hoàn thành phần lớn kế hoạch kinh doanh đã đặt ra. Tổng Doanh thu thuần về Bán hàng và cung cấp dịch vụ, Doanh thu hoạt động tài chính, Thu nhập khác là 968,1 đạt 81% so với kế hoạch đề ra. Lợi nhuận sau thuế của năm 2017 là 44,2 tỷ đồng đạt 59% so với kế hoạch đề ra.

▪ *Công tác giám sát đối với Ban Tổng giám đốc và người quản lý*

- Trong năm 2017, Hội đồng quản trị đã thực hiện giám sát công tác quản lý, điều hành của Ban Tổng giám đốc và các bộ phận quản lý của Công ty thông qua việc triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017. Công tác giám sát được thực hiện thường xuyên kịp thời, đưa ra các chủ trương, định hướng nhằm tháo gỡ những khó khăn, bất cập trong hoạt động sản xuất kinh doanh để hoàn thành nhiệm vụ;
- Ban điều hành quán triệt các Nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, đưa ra các giải pháp cụ thể, sáng tạo, tuy nhiên trong quá trình hoạt động có những khó khăn, vướng mắc phát sinh xuất phát từ nguyên nhân khách quan và chủ quan nên chưa hoàn thành mục tiêu kết quả kinh doanh năm 2017.
- Hội đồng Quản trị đánh giá cao công tác điều hành của Ban Tổng Giám Đốc. Hội đồng Quản trị hết sức tin tưởng vào năng lực lãnh đạo và phẩm chất đạo đức của các Thành viên trong Ban Tổng Giám Đốc.
- Trong bối cảnh Công ty vẫn còn nhiều khó khăn đó thì với sự quan tâm, chỉ đạo kịp thời của Hội đồng Quản trị Công ty thì Ban điều hành đã có những giải pháp khắc phục và đạt được một số thành tựu nhất định nhằm duy trì hoạt động của Công ty được ổn định và phát triển.

▪ **Đánh giá chung về hoạt động của HĐQT**

- Đánh giá việc thực hiện trách nhiệm của Hội đồng Quản trị. Trong năm 2017, Hội đồng Quản trị thực hiện một cách cẩn trọng, nghiêm túc các công tác quản trị doanh nghiệp, phát triển thương hiệu, quan hệ nhà đầu tư, chiến lược về nhân sự ... theo đúng phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty;
- Hội đồng Quản trị đã phân công nhiệm vụ cụ thể đến các thành viên, tăng cường vai trò tham mưu của các Cán bộ quản lý. Các Thành viên Hội đồng Quản trị cũng đã có nhiều cố gắng hoàn thành chức trách của mình hành động vì lợi ích của cổđông trong mối quan hệ hài hòa với lợi ích của Công ty và Người lao động;
- Mọi vấn đề ra quyết định của HĐQT đều được thảo luận, thông báo đầy đủ, kịp thời, đúng quy định với Ban kiểm soát và Ban Tổng giám đốc điều hành;
- Các đề xuất của Ban Tổng giám đốc điều hành đối với HĐQT đều được nghiên cứu, thảo luận và có ý kiến chỉ đạo kịp thời;
- Công ty chấp hành đầy đủ, kịp thời các nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT và các quy định của Nhà nước.

▪ **Về trách nhiệm xã hội**

- Là một “doanh nghiệp cộng đồng” đồng nghĩa với việc trách nhiệm đối với xã hội luôn được đặt lên hàng đầu trong quá trình hoạt động và phát triển của Tập đoàn. Tất cả các lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn đều hướng tới giải quyết các vấn đề nóng và cấp thiết cho cộng đồng và góp phần xóa đói giảm nghèo, giải quyết vấn đề an sinh xã hội cho cộng đồng, đặc biệt là vùng miền núi cao.
- Ngoài ra chúng tôi cũng thường xuyên tham gia các chương trình từ thiện khác nhau cho các đối tượng có những hoàn cảnh khó khăn khác nhau.

Với tinh thần trách nhiệm trước các cổ đông, cán bộ nhân viên trong Công ty và sự phát triển của đơn vị, có thể đánh giá rằng HĐQT Công ty đã nỗ lực hoàn thành chức năng, nhiệm vụ của mình theo quy định của pháp luật trong việc giám sát đối với Tổng Giám đốc và bộ máy Công ty, trong quá trình triển khai thực hiện nghị quyết của Đại hội đổng cổ đông, các nghị quyết, quyết định của HĐQT, tích cực tìm kiếm các cơ hội hợp tác đầu tư mới. Những kết quả này khẳng định tính đúng đắn, kịp thời, phù hợp, hiệu quả của các giải pháp đã được HĐQT và Ban điều hành đặt ra, đồng thời thể hiện sự cố gắng, quyết tâm cao của các đơn vị trực thuộc, cán bộ lãnh đạo, nhân viên trong toàn Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

- Các giao dịch với Hội đổng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát: Không có
- Trong năm 2017 Số lượng thành viên HĐQT là 05 người. Tổng thù lao thành viên HĐQT năm 2017 là: 300.000.000 đồng.

4. Các kế hoạch, định hướng của Hội đổng quản trị:

Trên cơ sở dự báo tình hình kinh tế vĩ mô trong và ngoài nước, xu hướng phát triển ngành, định hướng chiến lược của Công ty, HĐQT đưa ra kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2017	Kế hoạch năm 2018
Doanh thu thuần	918	1.000
Lợi nhuận ròng (LNST)	44	50

Trong năm 2018, Công ty tập trung đầu tư phát triển các hoạt động chính như sau:

- **Nông nghiệp:** Xây dựng chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp sạch Nhật Bản từ trồng trọt, chăn nuôi đến bảo quản, chế biến (CN sấy lạnh) và phân phối để gia tăng giá trị sản phẩm nhằm hướng đến thị trường xuất khẩu và nội địa. Công ty sẽ thực hiện M&A một số công ty liên quan đến chuỗi để nhanh chóng hoàn thiện chuỗi giá trị này trong năm 2018.
- **Tre ép Công nghiệp:** Hiện tại, Khách hàng có nhu cầu lớn về các sản phẩm tre ép công nghiệp và hiện Công ty chưa đáp ứng được đủ nhu cầu này của khách hàng. Do vậy, Công ty cần phải:
 - (i) Tập trung hoàn thành việc cải tiến, tự động hoá dây chuyền công nghệ sản xuất, nâng cao năng xuất, nhằm đạt được công xuất thiết kế với hiệu quả cao (dự kiến trong năm 2018).
 - (ii) Đồng thời nhanh chóng hoàn thiện việc đầu tư vùng nguyên liệu tre lớn tại Mai Châu, nhằm đáp ứng đủ và ổn định nguồn tre đầu vào cho nhà máy sản xuất tre ép công nghiệp.
- **Kết nối giá trị toàn cầu về Thương mại, Công nghệ và Đầu tư:**
 - (i) Xây dựng chuỗi giá trị toàn cầu về Thương mại: Công ty thực hiện mục tiêu này thông qua việc trở thành mắt xích của chuỗi giá trị thương mại toàn cầu tại Việt Nam. Hiện tại, Công ty đang chuẩn bị ký hợp đồng với một đối tác lớn của Mỹ về kết nối thương mại toàn cầu B2B, trong đó SJF sẽ là đầu mối đại diện tại Việt Nam. Đồng thời Công ty sẽ đẩy mạnh thương mại XNK các hàng hoá nông sản thông qua việc sáp nhập một số doanh nghiệp lớn về thương mại toàn cầu đang hoạt động hiệu quả để giúp gia tăng giá trị và kết nối chuỗi.
 - (ii) Kết nối toàn cầu về Công nghệ: SJF dự kiến sẽ trở thành trung tâm kết nối công nghệ cao của thế giới vào Việt Nam. Công ty đã và đang làm việc với một đối tác lớn và uy tín chuyên về Công nghệ mới đột phá của Mỹ, giúp chuyển giao các công nghệ này vào Việt Nam và Đông Nam Á.
 - (iii) Kết nối Đầu tư: Thông qua kết nối chuỗi giá trị thương mại và Công nghệ, Công ty cũng đồng thời giúp kết nối các dòng vốn đầu tư nước ngoài vào các doanh nghiệp trong nước có nhu cầu sử dụng hay đầu tư các công nghệ mới. Trong đó SJF vừa là vai trò tư vấn vừa có thể đóng vai trò là nhà đầu tư nếu đó là lĩnh vực công nghệ xanh bền vững.



V. BAN KIỂM SOÁT

❖ Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức danh
1	Bà Nguyễn Thị Minh	Trưởng Ban Kiểm soát
2	Bà Hà Thị Phương Thủy	Thành viên
3	Ông Cao Ngọc Toàn	Thành viên

▪ Bà Nguyễn Thị Minh – Trưởng ban kiểm soát

- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế, ĐH KTQD Hà Nội, Bằng Kế toán trưởng, ĐH Tài chính Kế toán HCM
- Kinh nghiệm: Bà Nguyễn Thị Minh là người có kinh nghiệm lâu năm trong lĩnh vực kế toán tài chính. Bà trở thành Trưởng Ban Kiểm Soát của Sao Thái Dương từ năm 2014 và có vai trò rất quan trọng việc hoàn thiện và kiểm soát hệ thống tài chính kế toán.
- Bà từng là Kế toán trưởng của CT Vật Tư 2 Bộ Quốc Phòng, quản lý tài chính kế toán tại Bộ Tư Lệnh Tăng Thiết Giáp.

▪ Bà Hà Thị Phương Thủy – Thành viên Ban Kiểm Soát

- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế, Bằng kế toán trưởng ĐH TM Hà Nội
- Kinh nghiệm: Bà Hà Thị Phương Thủy là thành viên Ban kiểm soát của Công ty từ năm 2015. Bà có nhiều năm kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực tài chính kế toán tại các doanh nghiệp sản xuất.
- Bà đã từng đảm nhiệm nhiều vị trí kế toán, kế toán trưởng ở nhiều công ty khác nhau: Kế toán tại Viện Dược Liệu, CTCP ĐT XD Trung Việt, CTCP Đầu Tư Xây Lắp Dầu Khí IMICO và Kế toán trưởng tại Công ty CP Hawinco đầu tư xây dựng Hạ Tầng.

▪ Ông Cao Ngọc Toàn – Thành viên Ban Kiểm Soát

- Trình độ chuyên môn : Cử nhân và thạc sỹ chuyên ngành Tài Chính kế toán tại Học Viện Tài Chính,
- Ông đã pass kỳ thi CFA lv 2 ,hiện đang tiếp tục nghiên cứu để trở thành CFA Charterholder trong năm tới.
- Kinh nghiệm: Ông đã từng tham gia nhiều vị trí quan trọng trong các tổ chức lớn như Công TNHH Tân Mỹ, Công ty Cổ phần ĐTSX Thống Nhất, Ngân hàng TMCP VIB.

a. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát đã tổ chức một (1) cuộc họp chính thức trong năm 2017 như sau:

STT	Thời gian	Nội dung chính
01	20/04/2017	Tổng kết các hoạt động của BKS và kiểm toán nội bộ trong năm 2017; Thảo luận về thủ tục trình ĐHĐCĐ phê duyệt Kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2018.

b. Giám sát hoạt động của HĐQT, Tổng giám đốc và Ban điều hành

Trong năm 2017, BKS đã giám sát HĐQT, Ban Tổng Giám đốc trên bốn khía cạnh: tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cẩn trọng trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh. Việc giám sát của BKS được thực hiện thông qua các hoạt động sau:

▪ **Giám sát hoạt động:**

- Ban kiểm soát đã được cung cấp đầy đủ thông tin về các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc công ty, trao đổi thường xuyên với HĐQT và Ban Tổng Giám đốc công ty về tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh và các Nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua 2017. Trên cơ sở đó, Ban kiểm soát đánh giá công tác quản lý điều hành hoạt động kinh doanh của HĐQT và Ban Tổng giám đốc công ty đã tuân thủ quy định pháp lý liên quan tới hoạt động kinh doanh cũng như phù hợp Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017.
- Hội đồng quản trị đã chủ động trong việc giám sát và điều hành, điều chỉnh kịp thời chiến lược kinh doanh cũng như các quyết sách cụ thể trong hoạt động của Công ty:
 - ✓ Ban Tổng giám đốc Công ty đã bám sát các quyết sách và thực thi nhanh chóng chiến lược kinh doanh cũng như các quyết sách cụ thể trong hoạt động công ty của Hội đồng quản trị.
 - ✓ Ban kiểm soát không phát hiện có hiện tượng vi phạm pháp luật của HĐQT và Ban Tổng giám đốc công ty.
- Ngoài ra, BKS cũng thực hiện chức năng thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh tại các cuộc họp HĐQT cũng như tái kiểm tra thông qua các buổi làm việc với Kiểm toán độc lập khi soát xét các báo cáo tài chính quý, 6 tháng và cả năm.
- Đối với tổ chức công tác kế toán:
 - ✓ Công tác kế toán đã tuân thủ đầy đủ các quy định liên quan, đảm bảo nguyên tắc trung thực, thận trọng, hợp lý và Báo cáo tài chính đã được lập trên cơ sở tuân thủ đầy đủ các quy định hiện hành.
 - ✓ Công tác kế toán đã kịp thời giúp HĐQT và Ban Tổng giám đốc có những quyết định phù hợp với hoạt động kinh doanh.

BKS đánh giá việc quản lý, điều hành Công ty của HĐQT, Tổng Giám đốc và Ban Điều hành đã được thực hiện một cách cẩn trọng, hợp lý, hiệu quả và phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành.

▪ **Kiểm tra và thẩm định các báo cáo tài chính của Công ty:**

Ban Kiểm soát đã thực hiện việc thẩm định Báo cáo tài chính của Công ty các quý trong năm tài chính 2017, kết thúc 31/12/2017 và thống nhất xác nhận kết quả cụ thể, như sau:

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THÁI DƯƠNG (SJF)

- Báo cáo tài chính đã phản ánh đầy đủ tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính của Công ty, được trình bày theo các mẫu báo cáo được quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.
- Báo cáo tài chính được lập đầy đủ, kịp thời, các thông tin về tình hình tài chính được công bố và thuyết minh một cách rõ ràng đáp ứng được yêu cầu của các cơ quan hữu quan và nhà đầu tư.
- Ban kiểm soát thống nhất với ý kiến nhận xét và đánh giá về hoạt động tài chính và báo cáo năm 2017 của Công ty kiểm toán.
- Số liệu Báo cáo tài chính công ty lập và công bố không có sự khác biệt nhiều so với Báo cáo Tài chính sau kiểm toán.
- Việc ghi chép, mở sổ kế toán, phân loại các nội dung kinh tế theo chuẩn mực kế toán do Bộ Tài chính ban hành; thực hiện công bố thông tin định kỳ theo đúng các quy định hiện hành.

BKS đánh giá thông tin trong các báo cáo kinh doanh và báo cáo tài chính năm, 6 tháng và quý của Công ty được trình bày một cách trung thực, hợp lý, nhất quán, phù hợp với các quy định của pháp luật. Ban Điều hành Công ty duy trì mức độ cẩn trọng hợp lý trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.



SAO THAI DƯƠNG

Sustainable Development
Phát triển bền vững



VI. PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG.

1. Cam kết phát triển bền vững:

Chúng tôi cam kết phát triển bền vững trong mọi lĩnh vực hoạt động của mình, luôn hướng đến nâng cao sức khỏe của con người và trái đất, không vì mục tiêu lợi nhuận trước mắt mà làm tổn hại đến sức khỏe cộng đồng hay môi trường tự nhiên.

Cụ thể về cam kết phát triển bền vững trên các lĩnh vực:

a. Phát triển kinh tế:

- Chúng tôi phát triển dựa trên việc ứng dụng những công nghệ tiên tiến nhất của thế giới để giải quyết những vấn đề nóng mà con người đang phải đối mặt tại Việt Nam và các nước trong khu vực: thực phẩm bẩn và ô nhiễm môi trường;
- Chúng tôi đầu tư vào những lĩnh vực giúp nâng cao sức khỏe của con người (thực phẩm sạch, các sản phẩm chăm sóc sức khỏe con người) và nâng cao sức khỏe của trái đất (xử lý ô nhiễm môi trường, phát triển tre công nghiệp);
- Chúng tôi xây dựng hệ thống quản trị công ty và văn hoá công ty đảm bảo sự minh bạch, chia sẻ và công bằng trong nội bộ công ty cũng như giữa các cổ đông, đặc biệt là các cổ đông thiểu số.

b. Bảo vệ môi trường:

Sao Thái Dương trực tiếp tham gia vào quá trình nâng cao sức khỏe của môi trường sinh thái thông qua việc xử lý môi trường trong sản xuất nông nghiệp, sản xuất thực phẩm, xử lý rác thải sinh hoạt; ô nhiễm không khí, khói bụi của các phương tiện ô tô, xe máy; phát triển rừng tre để bảo vệ rừng đầu nguồn và môi trường sinh thái.

Ngoài ra các chúng tôi cam kết bảo vệ môi trường thông qua:

- Sử dụng các công nghệ tốt nhất, thân thiện môi trường;
- Tuân thủ các quy định, Luật pháp về môi trường;
- Xây dựng hệ thống quản lý và kiểm soát môi trường theo tiêu chuẩn quốc tế: của Nhật (trong chăn nuôi, trồng trọt) và của Châu Âu (trong sản xuất tre công nghiệp).

c. Trách nhiệm xã hội:

Là một doanh nghiệp xã hội, chúng tôi coi sự phát triển của cộng đồng, của đối tác, cũng như sự phát triển của mỗi nhân viên chính là thành công của Công ty. Chúng tôi luôn nỗ lực để mang lại cuộc sống ngày càng tốt đẹp hơn cho các đối tượng này thông qua:

- Cung cấp những sản phẩm chất lượng tốt nhất, đảm bảo an toàn tuyệt đối cho mọi đối tượng trong xã hội;
- Tạo ra việc làm ổn định trong môi trường làm việc tốt, thu nhập tốt và cơ hội phát triển nghề nghiệp cho mọi người lao động;
- Chuyển giao công nghệ, đào tạo và hỗ trợ kỹ thuật & kỹ năng cho người nông dân để có thể tạo ra các sản phẩm có giá trị cao, chất lượng cao;
- Đẩy mạnh hợp tác với các đối tác để cùng phát triển tạo ra nhiều sản phẩm thực phẩm chất lượng cao cung ứng cho xã hội;
- Xây dựng kinh tế và hạ tầng vùng sâu vùng xa giúp xoá đói giảm nghèo, đồng thời bảo tồn và phát triển văn hoá địa phương.

1.1 Phát triển bền vững trong nông nghiệp

“Because you love life” (Bởi vì bạn yêu cuộc sống) là slogan của dòng thương hiệu thực phẩm ứng dụng công nghệ LBF tại Nhật Bản và các nước Singapore, Malaysia, Đài Loan, Thái Lan. Hai thương hiệu đó là “Sakura” và “Sunstar Lacto Farm”. Ý nghĩa của slogan là nếu bạn yêu cuộc sống của bạn và những người thân thì hãy chọn lựa dòng sản phẩm thực phẩm an toàn và dinh dưỡng có lợi cho sức khoẻ như Sakura và Sunstar Lacto Farm. Vì sao? Nền sản xuất nông nghiệp của thế giới và đặc biệt ở những nước kém phát triển hơn đang phải đối mặt với khủng hoảng nghiêm trọng gây ra những hệ quả lớn ảnh hưởng hàng ngày đến sức khoẻ và hạnh phúc của gia đình bạn và trái đất.

SJF cam kết phát triển bền vững trong sản xuất nông nghiệp và thực phẩm:

Sao Thái Dương xác định nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của tập đoàn là cung cấp giải pháp giúp giải bài toán phát triển bền vững trong nông nghiệp và thực phẩm tại Việt Nam và các nước trong khu vực. Mục tiêu cao nhất là cung cấp ngày càng nhiều hơn thực phẩm an toàn cho thị trường trong nước và thế giới đồng thời vẫn đảm bảo được môi trường sinh thái cho tương lai.

Chúng tôi ứng dụng mô hình “trang trại sinh thái” kết hợp với công nghệ khoa học tiên tiến thân thiện môi trường và đảm bảo sự đa dạng sinh học. Giải pháp này xây dựng mô hình trang trại khoẻ mạnh (healthy farm) để tạo ra thực phẩm an toàn. Giải pháp này bảo vệ được đất, nước và khí hậu, không làm ô nhiễm môi trường với những hoá chất độc hại... Hơn nữa, giải pháp này giúp cân bằng lợi ích cho người nông dân (thường là đối tượng chịu thiệt nhiều nhất), người tiêu dùng, nhà sản xuất và nhà phân phối.

1.2 Phát triển tre là phát triển bền vững

Tre bản chất là một loại cỏ lớn nhất trong các loài cỏ. Chính vì vậy tre có sức sống mãnh liệt, có thể tồn tại và phát triển ở những nơi khắc nghiệt nhất. Tre được coi là vật liệu sinh thái của thế kỷ 21, phát triển cây tre chính là phát triển bền vững do nó giúp “chăm sóc sức khoẻ con người và trái đất”:

- Tre là loại cây phát triển nhanh nhất trên Trái đất (Một số giống tre có thể tăng trưởng hơn 60cm trong 24 giờ). Trong khi tre trưởng thành chỉ mất từ 3-5 năm, gỗ phải mất từ 25-40

năm (như gỗ sồi, gỗ lim). Đây là lý do cây tre được coi là vật liệu sinh thái có thể thay thế gỗ có thời gian sinh trưởng dài hơn nhiều.

- Đặc tính tái tạo nhanh và không phải trồng lại của tre (tự mọc lại sau khi khai thác) giúp đem lại thu nhập ổn định cho người dân nghèo do không cần nhiều tiền để đầu tư. Do vậy đây là cây trồng giúp xoá đói giảm nghèo tốt nhất thế giới do Tổ chức quốc tế PI (Prosperity Initiative) nghiên cứu, khảo sát và kết luận;
- Tre có thể sinh trưởng và phát triển ở những điều kiện khắc nghiệt do đó có thể dễ dàng phủ xanh đất trống đồi trọc, bảo vệ môi trường đất khỏi bị suy thoái do xói mòn;
- Tre có bộ rễ tràm rất khoẻ, đặc biệt tốt với khả năng chống xói mòn. Kể cả trong thời gian tái sinh, rễ ở lại nguyên vẹn nên xói mòn được ngăn chặn;
- Trong quá trình sinh trưởng, tre sản xuất nhiều oxy hơn 35% so với gỗ cứng và hấp thụ gấp bốn lần lượng carbonic;
- Do tiêu thụ nitơ cao, trồng tre có thể khử độc nước thải và cải thiện chất lượng đất;
- Tre có tính cơ lý rất ưu việt: Độ bền kéo của TRE có thể vượt quá sợi carbon, nhôm và thép, sức chịu nén tre có thể vượt quá sức chịu nén của bê tông. Do vậy đây được coi là vật liệu của thế kỷ 21.

Với những tính năng ưu việt trên của Tre, chúng tôi gọi vật liệu tre là “vật liệu hạnh phúc” do sự phát triển của vật liệu này đem lại ấm no hạnh phúc cho người dân nghèo và giúp bảo vệ môi trường sinh thái.

Hiện nay ở các nước phát triển, người dân có nhận thức cao về phát triển bền vững đều hướng đến sử dụng tre trong mọi lĩnh vực và đời sống hàng ngày. Xu hướng này sẽ tiếp tục tăng mạnh và các nước kém phát triển hơn cũng sẽ đi theo xu hướng này giúp cho ngành tre phát triển mạnh trong tương lai.

Chúng tôi cam kết làm hết mình để phát triển các sản phẩm tre cho thị trường trong nước và quốc tế để tre được trồng ngày càng nhiều hơn giúp “*chăm sóc sức khoẻ con người và trái đất*”.

SJF kêu gọi tất cả mọi người cùng đồng hành cùng chúng tôi hướng đến sử dụng các sản phẩm bằng tre. Mỗi sản phẩm bằng tre bạn sử dụng là bạn đã và đang góp phần xoá đói giảm nghèo cho bà con vùng cao và giúp bảo vệ rừng đầu nguồn cho chính chúng ta và môi trường sinh thái.

1.3 Phát triển bảo tồn văn hóa Bản Văn

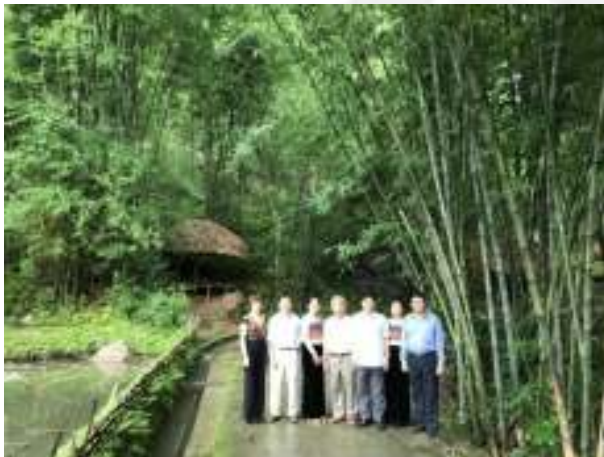
Với mô hình hoạt động là doanh nghiệp xã hội, đồng hành với phát triển kinh tế địa phương chúng tôi luôn chú trọng đến việc bảo tồn và phát triển văn hoá bản sắc của các dân tộc nơi các nhà máy hoạt động. Tại Mai Châu, chúng tôi đang xây dựng mô hình phát triển kinh tế gắn với du lịch cộng đồng và bảo tồn phát triển văn hoá của dân tộc Thái tại Bản Văn. Bản Văn là một trong những Bản của dân tộc thiểu số người Thái vùng Tây Bắc với hơn 100 hộ dân sinh sống, phần lớn các hộ dân thuộc diện hộ nghèo với ngành nghề chính là làm nông nghiệp truyền thống vùng cao là trồng lúa, ngô, sắn.



“BWG chung tay phát triển cộng đồng dân tộc người Thái tại Bản Văn”



BWG tổ chức chương trình khám bệnh miễn phí cho đồng bào bà con bản Văn tại Nhà văn hóa



Ban lãnh đạo SJF cùng khách du lịch thăm quan Bản Văn (Tháng 7.2017)



Bà Meirav Eilon Shahr – Đại sứ Đặc mệnh toàn quyền Isreal thăm quan Mô hình phát triển nông nghiệp hữu cơ bền vững của Sunstar Lacto Farm tại Ba Vì và giao lưu với bà con dân tộc Mường

SJF đã và đang phối hợp với chính quyền địa phương và bà con Bản Văn để chuyển đổi xây dựng mô hình kinh tế mới bền vững: phát triển rừng tre và sản xuất trồng trọt, chăn nuôi theo hướng ứng dụng công nghệ Nhật Bản, kết hợp với mô hình du lịch cộng đồng “Home stay”.

Năm 2015, Công ty cũng đã hoàn thành xây dựng Bảo tàng bảo tồn văn hoá người Thái tại Bản Văn để vừa giúp bảo tồn văn hoá đặc sắc người Thái, vừa giúp phát triển du lịch. Ngoài ra chúng tôi phối hợp với Bản văn để khôi phục các hoạt động văn hoá truyền thống như dệt vải, may mặc và các hoạt động giải trí như trò chơi, múa truyền thống...

Chúng tôi cũng đang làm việc với chính quyền địa phương để xây dựng dự án tổng thể phát triển kinh tế và du lịch địa phương nhằm hướng đến mô hình phát triển bền vững, biến nơi đây là điểm du lịch không thể bỏ qua trong hành trình du lịch Tây Bắc.



VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng, hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

(Báo cáo tài chính Công ty Mẹ, Hợp nhất được đăng tải trên website của Công ty: www.stdgroup.vn)

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
TỔNG GIÁM ĐỐC**



NGUYỄN TẤN ĐẠT

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THÁI DƯƠNG
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	6
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	7 - 30

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc điều hành Công ty tại ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Trí Thiện	Chủ tịch
Ông Nguyễn Tấn Đạt	Ủy viên
Ông Nguyễn Xuân Nam	Ủy viên
Ông Yoshiro Komiyama	Ủy viên
Ông Phạm Quang Chất	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Tấn Đạt	Tổng Giám đốc
Ông Masayuki Takeuchi	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Nam	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Huy Quang	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Tấn Đạt
Tổng Giám đốc

Ngày 09 tháng 04 năm 2018

Số: 0204 /2018/BCTC-KTV/HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông và Hội đồng Quản trị
Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 09/04/2017, từ trang 03 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hà Nội, ngày 09 tháng 04 năm 2018

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn
Đất Việt tại Hà Nội



NGUYỄN NGỌC TỬ - Giám đốc
Số Giấy CN DKHN kiểm toán: 2305-2018-037-1

LÊ THẾ THANH - Kiểm toán viên
Số Giấy CN DKHN kiểm toán: 2372-2018-037-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

MÃ SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		570.918.540.562	417.184.111.805
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	40.934.894.799	57.939.954.148
1. Tiền	111		40.934.894.799	57.939.954.148
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		490.815.501.357	308.365.327.202
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	192.407.546.134	152.918.689.376
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		109.678.797.363	96.820.876.155
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.3	48.000.000.000	52.550.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	141.743.090.193	7.370.233.843
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(1.013.932.333)	(1.294.472.172)
IV. Hàng tồn kho	140	V.5	33.391.580.367	43.597.886.760
1. Hàng tồn kho	141		33.391.580.367	43.597.886.760
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.776.564.039	7.280.943.695
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6a	71.989.581	383.275.241
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		5.704.574.458	6.897.668.454
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		661.742.029.041	704.279.712.255
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	V.4b	36.537.600	30.036.537.600
6. Phải thu dài hạn khác	216		36.537.600	30.036.537.600
II. Tài sản cố định	220		408.347.584.331	426.453.407.575
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	229.544.333.537	247.051.775.985
- Nguyên giá	222		236.211.365.945	234.802.297.447
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(26.667.032.408)	(7.759.521.462)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	178.803.250.794	179.401.631.590
- Nguyên giá	228		180.000.000.000	180.000.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.196.749.206)	(598.368.410)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		102.952.038.022	98.575.967.299
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9	102.952.038.022	98.575.967.299
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.10	148.197.006.016	147.876.032.896
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		147.998.346.016	147.876.032.896
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		198.660.000	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		2.208.863.072	1.337.766.885
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6b	2.208.863.072	1.337.766.885
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.232.660.569.603	1.121.463.824.060

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu số B 01-DN/HN

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		386.787.282.655	274.783.998.786
I. Nợ ngắn hạn	310		302.267.153.643	184.834.706.586
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	87.702.634.336	49.513.669.392
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	1.604.866.550	22.388.582.213
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	11.407.577.269	2.870.799.158
4. Phải trả người lao động	314		266.786.383	211.600.023
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	3.077.148.097	2.943.274.306
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	39.803.018.918	29.644.058.337
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11a	158.405.122.090	77.262.723.157
II. Nợ dài hạn	330		84.520.129.012	89.949.292.200
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.11b	84.264.286.536	89.949.292.200
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		255.842.476	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		845.873.286.948	846.679.825.274
I. Vốn chủ sở hữu	410		845.873.286.948	846.679.825.274
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.17	660.000.000.000	660.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		660.000.000.000	660.000.000.000
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.17	135.257.713.420	93.172.354.711
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		93.172.354.711	28.748.747.959
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		42.085.358.709	64.423.606.752
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		50.615.573.528	93.507.470.563
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.232.660.569.603	1.121.463.824.060



Nguyễn Tấn Đạt
Tổng Giám đốc

Ngày 09 tháng 04 năm 2018

Nguyễn Huy Quảng
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thương
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

MÃ SỐ B 02-DN/HN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	993.353.817.807	1.148.239.290.045
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		75.505.500.000	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	917.848.317.807	1.148.239.290.045
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	889.044.310.664	1.074.301.252.964
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		28.804.007.143	73.938.037.081
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	48.724.781.479	9.875.072.445
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	13.799.382.419	6.818.042.165
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>13.721.345.516</i>	<i>6.756.054.529</i>
8. Phần lãi hoặc lỗ trong Công ty liên doanh, liên kết	24		122.313.120	876.032.896
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	1.420.781.516	1.976.615.799
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	5.785.475.018	6.645.150.284
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		56.645.462.789	69.249.334.174
12. Thu nhập khác	31	VI.7	1.586.128.567	588.000.080
13. Chi phí khác	32	VI.7	3.025.746.349	2.196.335.215
14. Lợi nhuận khác	40	VI.7	(1.439.617.782)	(1.608.335.135)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		55.205.845.007	67.640.999.039
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	10.727.271.736	1.993.642.803
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		255.842.476	(58.160.363)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		44.222.730.795	65.705.516.599
- Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		43.074.985.111	64.423.606.752
- Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	62		1.147.745.684	1.281.909.847
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	653	976



Nguyễn Tấn Đạt
Tổng Giám đốc

Ngày 09 tháng 04 năm 2018

Nguyễn Huy Quang
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thương
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

MẪU SỐ B 03-DN/HN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		55.205.845.007	67.640.999.039
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		19.514.891.742	4.796.653.976
- Các khoản dự phòng	03		(280.539.839)	1.163.925.372
- Lãi lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		61.659.584	42.352.216
- Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(48.833.412.464)	(5.076.193.649)
- Chi phí lãi vay	06		13.721.345.516	6.756.054.529
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		39.389.789.546	75.323.791.483
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(198.651.973.596)	6.564.639.816
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		10.206.306.393	1.397.973.848
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		60.143.602.787	92.625.251.538
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(559.810.527)	(1.204.960.050)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(11.886.104.363)	(5.509.815.523)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.001.633.145)	(672.502.431)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(103.359.822.905)	168.524.378.681
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(20.081.855.485)	(205.752.103.308)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(46.000.000.000)	(11.550.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		50.550.000.000	34.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(44.198.660.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		41.260.135.259	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		19.135.886.057	12.316.776.490
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		665.505.831	(170.985.326.818)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ Sở hữu	31		240.000.000	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		294.001.940.836	263.712.840.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(208.544.547.567)	(222.057.169.975)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		85.697.393.269	41.655.670.025
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(16.996.923.805)	39.194.721.888
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		57.939.954.148	18.745.232.260
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(8.135.544)	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	40.934.894.799	57.939.954.148



Nguyễn Văn Đạt
 Tổng Giám đốc

Ngày 09 tháng 04 năm 2018

Nguyễn Huy Quảng
 Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thương
 Người lập biểu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Mẫu số B 09 – DN/HN****I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****1. Công ty mẹ**

Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0105806767 ngày 01 tháng 03 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần thay đổi lần thứ 7 số 0105806767 ngày 23 tháng 06 năm 2017.

Công ty có trụ sở chính tại tầng 08, Tòa nhà Simco Sông Đà, Tiểu khu ĐTM Vạn Phúc, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Hoạt động chính của Công ty là:

Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp; Bán buôn thực phẩm; Hoạt động dịch vụ trồng trọt; Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch; Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp; Cưa, xẻ, bảo gỗ và bảo quản gỗ; Sản xuất đồ gỗ xây dựng; Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế; Hoàn thiện công trình xây dựng; Chế biến và bảo quản rau quả; Bán buôn gạo; Trồng cây gia vị, cây dược liệu; Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện; Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác; Trồng rừng và chăm sóc rừng; Trồng lúa; Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác; Trồng cây lấy củ có chất bột; Trồng cây mía; Trồng cây thuốc lá, thuốc Lào; Trồng cây lấy sợi; Trồng cây có hạt chứa dầu; Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh; Trồng cây ăn quả; Trồng cây lấy quả chứa dầu; Trồng cây điều; Trồng cây hồ tiêu; Trồng cây cao su; Trồng cây cà phê; Trồng cây chè; Trồng cây lâu năm khác; Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp; Xử lý hạt giống để nhân giống; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu; Và các ngành nghề kinh doanh khác.

2. Công ty con được hợp nhất**Công ty Cổ phần BWG Mai Châu**

- * Địa chỉ: Cụm Công Nghiệp, xã Chiềng Châu, huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình
- * Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ tại ngày 31/12/2017: 95,60%
- * Quyền biểu quyết của công ty mẹ tại ngày 31/12/2017: 95,60%

Công ty TNHH BWG Điện Biên

- * Địa chỉ: Bản Phú Ngam, xã Nà Ngam, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên
- * Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ tại ngày 31/12/2017: 75,5%
- * Quyền biểu quyết của công ty mẹ tại ngày 31/12/2017: 75,5%

Công ty Cổ phần Việt Nga Hòa Bình

- * Địa chỉ: Tiểu khu 4, thị trấn Mai Châu, huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình
- * Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ tại ngày 31/12/2017: 95%
- * Quyền biểu quyết của công ty mẹ tại ngày 31/12/2017: 95%

Công ty Cổ phần Phát triển Công nghệ Sky Life Farms

- * Địa chỉ: Số 5b, ngõ 55 Huỳnh Thúc Kháng, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội
- * Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ tại ngày 31/12/2017: 97,55%
- * Quyền biểu quyết của công ty mẹ tại ngày 31/12/2017: 97,55%

Công ty CP BWG Technologies

- * Địa chỉ: Tầng 8 tòa nhà Simco Sông Đà, tiểu KDTM Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, Hà Đông, Hà Nội
- * Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ tại ngày 31/12/2017: 99,50%
- * Quyền biểu quyết của công ty mẹ tại ngày 31/12/2017: 99,50%

3. Công ty liên kết được hợp nhất**Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tona**

- * Địa chỉ: Số 1, tổ 8, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, Hà Nội.
- * Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ tại ngày 31/12/2017: 49%
- * Quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương tại ngày 31/12/2017: 49%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 – DN/HN

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

3. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC & Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là kế toán trên máy tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: tiền mặt tại quỹ; tiền gửi ngân hàng; các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Mẫu số B 09 – DN/HN****2. Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi**

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc Kỳ kế toán. Số tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cũng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời...) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc Năm tài chính. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

4. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, Vật kiến trúc	08 - 20
Máy móc và thiết bị	05 - 15
Phương tiện vận tải truyền dẫn	10
Trang thiết bị dụng cụ quản lý	07 - 10

5. Tài sản cố định vô hình

Mọi chi phí thực tế mà doanh nghiệp đã chi ra thoả mãn đồng thời các tiêu chuẩn sau mà không hình thành tài sản cố định hữu hình thì được coi là tài sản cố định vô hình: (i) Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó; (ii) Có thời gian sử dụng trên 1 năm trở lên; (iii) Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách tin cậy và có giá trị từ 30.000.000 VND trở lên.

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị Quyền sử dụng đất.

Đối với tài sản cố định vô hình là Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng còn lại của Quyền sử dụng đất. Đối với Quyền sử dụng lâu dài công ty không trích khấu hao.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 – DN/HN

5. Các khoản đầu tư tài chính

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của Kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại bỏ khỏi Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác

Các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc Năm tài chính. Đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn, Công ty trích lập dự phòng nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ, trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

7. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

8. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 – DN/HN

9. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả các điều kiện sau: (i) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; (ii) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; (iii) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; (iv) Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và (v) Chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng có thể xác định được.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau: (i) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; (ii) Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; (iii) Phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán có thể xác định được; và (iv) Chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó có thể xác định được.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Doanh thu từ tiền lãi, tiền bán quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bán quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của Công ty được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau: (i) Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và (ii) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

10. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

11. Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau công về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp hằng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 – DN/HN

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Thuế khác

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

12. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan của Công ty nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của cá nhân được coi là liên quan.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

(Đơn vị tính: VND)

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Tiền mặt	21.360.625.700	26.999.646.711
Tiền gửi ngân hàng	19.574.269.099	30.940.307.437
Cộng	40.934.894.799	57.939.954.148

2. Phải thu của khách hàng ngắn hạn

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
- Công ty TNHH Phú An Kiên	86.230.000.000	-
- Công ty CP Xây dựng và XNK Tam Đảo	49.905.000.000	-
- Công ty CP Thực phẩm NQ Việt Nam	30.122.597.750	-
- Công ty TNHH TM và XNK Phương Chi	-	35.200.000.000
- Công ty TNHH Kinh Doanh TM và DV Việt Nhật	-	15.035.000.000
- Công ty TNHH Sản xuất DT và TM Tường Minh	-	14.232.587.500
- Công ty CP Skylife Mai Châu	-	59.370.358.060
- Công ty CP DT và DV Công nghiệp Thái Nguyên	19.910.000	17.619.910.000
- Công ty CP XNK Quảng Bình	10.808.032.567	-
- Các khách hàng khác	15.322.005.817	11.460.833.816
Cộng	192.407.546.134	152.918.689.376

Trong đó phải thu khách hàng là các bên liên quan:

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
- Công ty CP Skylife Mai Châu	-	59.370.358.060

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 – DN/HN

3. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
- Cho vay cá nhân (*)	48.000.000.000	52.550.000.000
Cộng	48.000.000.000	52.550.000.000

(*) Cho vay theo các Hợp đồng với thời gian cho vay dưới 12 tháng, lãi suất từ 6%/năm đến 10%/năm.

4. Phải thu khác

	<u>Cuối năm</u>		<u>Đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
a. Ngắn hạn	141.743.090.193	-	7.370.233.843	-
- Tạm ứng	-	-	7.000.000.000	-
- Phải thu về lãi cho vay	795.616.438	-	370.233.843	-
- Phải thu về chuyển nhượng cổ phần	63.063.000.000	-	-	-
- Phải thu về cổ tức	77.884.473.755	-	-	-
b. Dài hạn	36.537.600	-	30.036.537.600	-
- Ký quỹ, ký cược	36.537.600	-	36.537.600	-
- Công ty CP Liên minh Tây Bắc	-	-	30.000.000.000	-
Cộng	141.779.627.793	-	37.406.771.443	-

5. Hàng tồn kho

	<u>Cuối năm</u>		<u>Đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
- Nguyên liệu, vật liệu	8.816.283.716	-	9.016.890.573	-
- Công cụ, dụng cụ	225.701.334	-	154.739.638	-
- Chi phí SX, KD dở dang	8.405.037.654	-	6.318.422.237	-
- Thành phẩm	14.179.000.815	-	5.939.146.277	-
- Hàng hóa	1.765.556.848	-	22.168.688.035	-
Cộng	33.391.580.367	-	43.597.886.760	-

6. Chi phí trả trước

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
a. Ngắn hạn	71.989.581	383.275.241
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	56.605.167	52.161.770
- Các khoản khác	15.384.414	331.113.471
b. Dài hạn	2.208.863.072	1.337.766.885
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	237.676.736	536.407.738
- Chi phí thuê đất	-	139.583.337
- Các khoản khác	1.971.186.336	661.775.810
Cộng	2.280.852.653	1.721.042.126

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 – DN/HN

7. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Trang thiết bị văn phòng	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	65.514.421.268	182.819.528.064	2.719.303.450	3.749.044.665	254.802.297.447
Mua trong năm	-	722.670.316	686.398.182	-	1.409.068.498
Phân loại lại	-	2.123.704.294	1.625.340.371	(3.749.044.665)	-
Số dư cuối năm	65.514.421.268	185.665.902.674	5.031.042.003	-	256.211.365.945
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	351.890.363	7.187.505.701	177.084.048	34.041.350	7.750.521.462
Khấu hao trong năm	4.222.684.360	14.216.728.891	477.097.695	-	18.916.510.946
Phân loại lại	-	20.121.840	13.919.510	(34.041.350)	-
Số dư cuối năm	4.574.574.723	21.424.356.432	668.101.253	-	26.667.032.408
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	65.162.530.905	175.632.022.363	2.542.219.402	3.715.003.315	247.051.775.985
Tại ngày cuối năm	60.939.846.545	164.241.546.242	4.362.940.750	-	229.544.333.537

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay là: 221.437.120.579 VND.

8. Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu năm	180.000.000.000	180.000.000.000
Số dư cuối năm	180.000.000.000	180.000.000.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư đầu năm	598.368.410	598.368.410
Khấu hao trong năm	598.380.796	598.380.796
Số dư cuối năm	1.196.749.206	1.196.749.206
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày đầu năm	179.401.631.590	179.401.631.590
Tại ngày cuối năm	178.803.250.794	178.803.250.794

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định vô hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay là: 89.762.387.612 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 – DN/HN

9. Xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
- Dự án Nhà máy sản xuất Tre và Gỗ ghép thanh tại Điện Biên (1)	6.330.861.068	6.330.861.068
- Dự án Nhà máy sản xuất Ván dăm Tre gỗ Công nghiệp tại Hòa Bình (2)	59.621.176.954	55.245.106.231
- Dự án Kho bảo quản các sản phẩm từ Chân nuôi theo công nghệ Nhật Bản tại Hòa Bình (3)	37.000.000.000	37.000.000.000
Cộng	102.952.038.022	98.575.967.299

(1) Chi phí đầu tư xây dựng nhà xưởng sản xuất tại Dự án Nhà máy sản xuất Tre và gỗ ghép thanh của Công ty TNHH BWG Điện Biên tại Bán Phú Ngam, xã Núa Ngam, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên, theo Giấy chứng nhận đầu tư số 62121000049 cấp ngày 08/7/2011, và các Quyết định điều chỉnh. Theo đó, Dự án có tổng mức đầu tư là 290 tỷ VND, với quy mô công suất tre ghép thanh công nghiệp 95.000 m³/năm; gỗ ghép thanh 5.000 m³/năm, tương ứng mức Doanh thu dự kiến 1.454 tỷ VND/năm.

(2) Chi phí đầu tư xây dựng nhà xưởng và mua sắm, lắp đặt máy móc thiết bị tại Dự án Nhà máy sản xuất Ván dăm tre gỗ Công nghiệp (tre kết hợp với gỗ) của Công ty Cổ phần Việt Nga Hoà Bình tại Cụm công nghiệp Chiềng Châu, huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình với quy mô tổng vốn đầu tư là 105 tỷ VND, công suất sản xuất ván dăm tre gỗ công nghiệp 35.000 m³/năm, tương ứng mức Doanh thu dự kiến 120 tỷ VND/năm.

(3) Chi phí mua Quyền sử dụng đất thực hiện Dự án Kho bảo quản các sản phẩm từ Chân nuôi theo công nghệ Nhật Bản tại Đồng Gội, xã Hòa Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình của Công ty CP Phát triển Công nghệ Sky life Farms.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THÁI DƯƠNG

Tầng 08, Tòa nhà Simco Sông Đà, Tiểu khu BTM Vạn Phúc, Phường Vạn Phúc,
Quận Hà Đông, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày
31 tháng 12 năm 2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 – DN/HN

10. Các khoản đầu tư tài chính

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng	Giá trị hợp lý (*)
a. Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	147.998.346.016	-	-	147.876.032.896
- Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Tona	147.000.000.000	-	-	147.000.000.000
- Lợi Công ty liên kết	998.346.016	-	-	876.032.896
b. Đầu tư vào đơn vị khác	198.660.000	-	-	-
- Công ty CP Jarce'l Việt Nam	198.660.000	-	-	-
Cộng	148.197.006.016	-	-	147.876.032.896

(*) Theo qui định tại Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư cần phải được trình bày. Tuy nhiên, các Công ty có vốn góp đầu tư chưa thực hiện nhiệm ý nên Công ty chưa xác định được định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
- Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Tona	Số 1, tổ 8, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, Hà Nội	49%	49%	Thiết kế nội, ngoại thất, thiết kế kiến trúc, tư vấn lập dự án, quy hoạch hạ tầng đô thị....
- Công ty CP Jarce'l Việt Nam	Tầng 7, tòa nhà Simco Sông Đà, KĐT Vạn Phúc, đường Vạn Phúc, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội	16%	16%	Được, hàng tiêu dùng chăm sóc sức khỏe...

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THÁI DƯƠNG

Tầng 08, Tòa nhà Simco Sông Đà, Tiểu khu ĐTM Vạn Phúc, Phường Vạn Phúc,
Quận Hà Đông, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Chi nhánh tài chính kết thúc ngày
31 tháng 12 năm 2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 – DN/HN

11. Vay và nợ thuê tài chính

	Cuối năm		Trong năm		Hợp nhất		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay ngân hàng	158.405.122.090	158.405.122.090	299.637.662.500	208.495.263.567	-	10.000.000.000	77.262.723.157	77.262.723.157
Vay ngắn hạn ngân hàng	142.124.000.000	142.124.000.000	291.520.454.500	194.996.454.500	-	10.000.000.000	55.600.000.000	55.600.000.000
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - CN Chương Mỹ	-	-	600.000.000	1.200.000.000	-	-	600.000.000	600.000.000
- Ngân hàng nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam - CN huyện Mai Châu Hòa Bình (1)	40.000.000.000	40.000.000.000	77.046.454.500	77.046.454.500	-	-	40.000.000.000	40.000.000.000
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN huyện Mai Châu Hòa Bình (2)	5.000.000.000	5.000.000.000	6.750.000.000	6.750.000.000	-	-	5.000.000.000	5.000.000.000
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN huyện Mai Châu Hòa Bình	-	-	10.000.000.000	10.000.000.000	-	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn CN Thủ Đức (3)	97.124.000.000	97.124.000.000	197.124.000.000	100.000.000.000	-	-	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả ngân hàng	16.281.122.090	16.281.122.090	8.117.208.000	13.498.809.067	-	-	21.662.723.157	21.662.723.157
- Ngân hàng TMCP VPBank CN Hà Nội - PGD Thụy Khuê (4)	412.496.000	412.496.000	412.500.000	412.500.000	-	-	412.496.000	412.496.000
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN huyện Mai Châu Hòa Bình (5)	8.163.215.590	8.163.215.590	-	9.283.941.567	-	-	17.447.157.157	17.447.157.157
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN huyện Mai Châu Hòa Bình (6)	7.606.842.500	7.606.842.500	7.606.140.000	3.802.367.500	-	-	3.803.070.000	3.803.070.000
- Ngân hàng TMCP PGBank - CN Hà Nội (7)	98.568.000	98.568.000	98.568.000	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THÁI DƯƠNG

Tầng 08, Tòa nhà Sincro Sông Đà, Tiểu khu ĐTM Vạc Phúc, Phường Vạc Phúc,
Quận Hòa Đông, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày
31 tháng 12 năm 2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Mẫu số B 09 – DN/HN**

	Cuối năm		Trong năm		Hợp Nhất		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
b. Vay dài hạn	84.264.286.536	84.264.286.536	2.481.486.336	8.166.492.000	-	-	89.949.292.260	89.949.292.200
- Ngân hàng TMCP VPBank Chi nhánh Hà Nội - PGD Thụy Khuê (4)	515.215.000	515.215.000	-	412.500.000	-	-	927.715.000	927.715.000
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN huyện Mai Châu Hòa Bình (5)	48.979.293.536	48.979.293.536	1.791.486.336	-	-	-	47.187.807.200	47.187.807.200
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN huyện Mai Châu Hòa Bình (6)	34.227.630.000	34.227.630.000	-	7.606.140.000	-	-	41.833.770.000	41.833.770.000
- Ngân hàng TMCP PGBank - CN Hà Nội (7)	542.148.000	542.148.000	690.000.000	147.852.000	-	-	-	-
Cộng	242.669.408.626	242.669.408.626	302.119.148.836	216.661.755.567	-	10.000.000.000	167.212.015.357	167.212.015.357

Chi tiết các khoản vay ngân hàng tại thời điểm 31/12/2017:

- (1) Vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh huyện Mai Châu Hòa Bình theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 3004LAV201703081 ngày 29/11/2017; Số tiền vay 40.000.000.000 VND, thời hạn vay dưới 12 tháng. Lãi suất vay thay đổi theo từng giấy nhận nợ. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động cho chi phí sản xuất tre ép tấm và các sản phẩm từ tre. Tài sản đảm bảo là: máy móc thiết bị.
- (2) Vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh huyện Mai Châu Hòa Bình theo Hợp đồng vay tín dụng 3004LAV201701993 ngày 31/07/2017, Số tiền hạn mức vay: 10.000.000.000 VND, thời hạn hiệu lực của hợp đồng tín dụng 12 tháng (kể từ ngày ký hợp đồng) thời gian vay tối đa không quá 6 tháng đối với từng khoản vay trên kế ước nhận nợ, lãi suất theo từng giấy nhận nợ, mục đích vay: bổ sung vốn lưu động sản xuất, kinh doanh cốppha tre, gỗ, Block gạch. Tài sản đảm bảo là tài sản bên thứ 3 và tài sản hình thành trong tương lai của Công ty.
- (3) Vay Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thủ đô theo các hợp đồng:
- + Hợp đồng hạn mức tín dụng số 1483-LAV-201700336 ngày 14/08/2017; Hạn mức tín dụng: 36.000.000.000 VND. Mục đích vay: Thanh toán tiền mua hàng hóa; Thời hạn cho vay: 4 tháng; Lãi suất cho vay: 9%/năm. Phương thức đảm bảo tiền vay: Quyền đối nợ phát sinh theo Hợp đồng mua bán hàng hóa;
 - + Hợp đồng hạn mức tín dụng số 1483-LAV-201700365 ngày 28/08/2017; Hạn mức tín dụng: 64.000.000.000 VND. Mục đích vay: Thanh toán tiền mua hàng hóa; Thời hạn cho vay: 4 tháng; Lãi suất cho vay: 9%/năm. Phương thức đảm bảo tiền vay: Quyền đối nợ phát sinh theo Hợp đồng mua bán hàng hóa;
 - + Hợp đồng hạn mức tín dụng số 1483-LAV-201700558 ngày 29/12/2017; Hạn mức tín dụng: 37.400.000.000 VND. Mục đích vay: Thanh toán tiền mua hàng hóa; Thời hạn cho vay: 4 tháng; Lãi suất cho vay: 9%/năm. Phương thức đảm bảo tiền vay: Quyền đối nợ phát sinh theo Hợp đồng mua bán hàng hóa;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THÁI DƯƠNG

Tầng 08, Tòa nhà Simco Sông Đà, Tiểu khu ĐTM Vạn Phúc, Phường Vạn Phúc,
Quận Hà Đông, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày
31 tháng 12 năm 2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 – DN/HN

- + Hợp đồng hạn mức tín dụng số 1483-LAV-201700541 ngày 26/12/2017; Hạn mức tín dụng: 59.724.000.000 VND. Mục đích vay: Thanh toán tiền mua hàng hóa; Thời hạn cho vay: 4 tháng; Lãi suất cho vay: 9%/năm. Phương thức đảm bảo tiền vay: Quyền đòi nợ phát sinh theo Hợp đồng mua bán hàng hóa;
- (4) Vay Ngân hàng TMCP VPBank Chi nhánh Hà Nội - PGD Thụy Khuê theo Các hợp đồng sau:
 - + Hợp đồng tín dụng số 161215-2477946-01-SME ngày 22/12/2015; Số tiền vay: 720.000.000 VND, thời hạn vay: 48 tháng, lãi suất vay: 7,5%/năm. Mục đích vay: mua ô tô Hyundai TucSon. Tài sản đảm bảo là: Xe ô tô Hyundai TucSon biển kiểm soát 30A-860.73;
 - + Hợp đồng tín dụng số 020216-2477946-01-SME ngày 04/02/2016; Số tiền vay: 430.000.000 VND, thời hạn vay: 48 tháng, lãi suất vay: 7,5%/năm. Mục đích vay: Tài trợ thanh toán một phần tiền xe ô tô FORD RANGER NEW XL. Tài sản đảm bảo là: Xe ô tô Ford Ranger biển kiểm soát 29C-703.85;
 - + Hợp đồng tín dụng số 280916-2477946-01-SME ngày 29/09/2016; Số tiền vay: 500.000.000 VND, thời hạn vay: 48 tháng, lãi suất vay: 7,5%/năm. Mục đích vay: Tài trợ thanh toán một phần tiền xe ô tô Mitsubishi Triton GLS AT. Tài sản đảm bảo là: Xe ô tô Mitsubishi Triton GLS AT BKS 29C-734.85;
- (5) Vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam Chi nhánh huyện Mai Châu Hòa Bình theo Hợp đồng tín dụng số 01-2014/HĐTD-DH/BSWG ngày 17/12/2014. Thời hạn vay: 72 tháng (trong đó thời gian ân hạn nợ gốc 12 tháng), kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng. Lãi suất cho vay: thả nổi có điều chỉnh. Mục đích vay: Đầu tư Xây dựng Nhà máy sản xuất Tre ép tấm. Tài sản đảm bảo là: Các tài sản hình thành trong tương lai, các nguồn thu phát sinh từ dự án, phương án sử dụng vốn vay. Và phụ lục hợp đồng sửa đổi bổ sung số 30041.AV201403420 ngày 12/12/2017 về việc bổ sung thời hạn cho vay từ 72 tháng lên 120 tháng với mức lãi suất cố định 9,5%/năm.
- (6) Vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh huyện Mai Châu Hòa Bình theo Hợp đồng tín dụng 01-2016/HĐTD-DH/VNHB ngày 27/04/2016, Số tiền vay: 50.000.000.000 VND. Thời hạn vay vốn: 84 tháng (trong đó thời gian ân hạn nợ gốc 12 tháng), lãi suất 10%/năm, mục đích vay: Xây dựng nhà máy sản xuất ván dăm công nghiệp. Tài sản đảm bảo là tài sản bên thứ 3, giá trị tài sản được hình thành trong tương lai của Công ty và Bên vay đồng ý dùng mọi nguồn thu phát sinh từ dự án, Phương án sử dụng vốn vay, các nguồn thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh và toàn bộ số tiền có trên tài khoản của bên vay tại ngân hàng.
- (7) Vay Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hà Nội theo Hợp đồng tín dụng số 109.1029.01/2017/KUNN-DN/PGBankHN ngày 21 tháng 06 năm 2017 với hạn mức vay là 690.000.000 VND, thời hạn vay: 84 tháng, lãi suất vay 8,49%/năm trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân và được điều chỉnh định kỳ 3 tháng 1 lần. Mục đích cho vay: thanh toán 1 phần tiền mua xe ô tô Chevrolet Colorado 2.8 LTZ MY17. Tài sản đảm bảo: Quyền sở hữu và quyền thụ hưởng bảo hiểm của xe ô tô tải Pick up cabin kép - màu: Đen, nhãn hiệu Chevrolet có biển kiểm soát: 29C-76773.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THÁI DƯƠNG

Tầng 08, Tòa nhà Simco Sông Đà, Tiểu khu BTM Vạn Phúc, Phường Vạn Phúc,
Quận Hà Đông, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày
31 tháng 12 năm 2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 – DN/HN

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Công ty Dong Xing Wei Nian Trade co.,Ltd	-	-	2.121.330.000	2.121.330.000
- Công TNHH Dầu tư và TM DV Việt Đức	24.586.000.000	24.586.000.000	-	-
- Công ty CP XNK Tân Bình Phú	11.275.000.000	11.275.000.000	-	-
- Công ty CP Phát triển Sản phẩm Đình Vũ	10.740.600.000	10.740.600.000	-	-
- Công ty CP Dầu tư Cao su QN	-	-	18.520.500.000	18.520.500.000
- Công ty CP LD Nông Lâm Sản Việt Lào	1.201.471.264	1.201.471.264	5.156.592.900	5.156.592.900
- Công ty TNHH TM Tổng Hợp Đại Bích	8.387.394.449	8.387.394.449	6.206.524.064	6.206.524.064
- Công ty TNHH Phát triển Phúc Tấn	7.652.032.214	7.652.032.214	-	-
- Công ty TNHH An Đại Thành	23.860.136.409	23.860.136.409	17.508.722.428	17.508.722.428
- Phải trả người bán ngắn hạn khác	-	-	-	-
Cộng	87.702.634.336	87.702.634.336	49.513.669.392	49.513.669.392

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Công ty CP Liên minh Tây Bắc	-	-	-	12.907.170.000
- Công ty CP Nông lâm sản Phương Bắc	-	-	-	6.001.677.030
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	1.604.866.550	1.604.866.550	1.604.866.550	3.479.735.183
Cộng	1.604.866.550	1.604.866.550	1.604.866.550	22.388.582.213

Trong đó người mua trả tiền trước là các bên liên quan:

	Cuối năm	Đầu năm
- Công ty CP Dầu tư và Xây dựng Tona	-	800.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THÁI DƯƠNG

Tầng 08, Tòa nhà Sincos Sông Đà, Tiểu khu ETM Vạn Phúc, Phường Vạn Phúc,
Quận Hà Đông, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày
31 tháng 12 năm 2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Mẫu số B 09 – DN/HN****14. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số tăng do hợp nhất	Số giảm do hợp nhất	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
- Thuế giá trị gia tăng	-	44.251.670	101.327.659	123.400.832	-	-	-	22.178.497
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	11.149.191	11.149.191	-	-	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	2.804.419.618	10.727.271.736	2.001.633.145	-	144.659.437	-	11.385.398.772
- Thuế nhà đất và tiền thuế đất	-	-	3.401.528	3.401.528	-	-	-	-
- Các loại thuế khác	-	-	27.500.000	27.500.000	-	-	-	-
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	22.127.870	242.750.562	264.878.432	-	-	-	-
Cộng	-	2.870.799.158	11.113.400.676	2.431.963.128	-	144.659.437	-	11.407.577.269

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN/HN

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
- Chi phí lãi vay phải trả	3.049.231.430	2.793.274.306
- Các khoản trích trước khác	27.916.667	150.000.000
Cộng	3.077.148.097	2.943.274.306

16. Phải trả ngắn hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
- Bảo hiểm xã hội	68.018.918	49.725.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	39.735.000.000	29.594.333.337
+ Lê Thị Hạnh	-	1.474.333.337
+ Vũ Thị Hương Quỳnh (*)	-	7.000.000.000
+ Bài Công Đa (*)	12.220.000.000	12.220.000.000
+ Phùng Như Tuyển (*)	15.565.000.000	8.900.000.000
+ Đào Tất Thành (*)	10.350.000.000	-
+ Nguyễn Khánh Nhật (*)	1.600.000.000	-
Cộng	39.803.018.918	29.644.058.337

Phải trả phải nộp khác là bên liên quan

	Cuối năm	Đầu năm
+ Vũ Thị Hương Quỳnh	-	7.000.000.000
+ Phùng Như Tuyển	15.565.000.000	8.900.000.000
+ Đào Tất Thành	10.350.000.000	-

(*) Các khoản vay tiền cá nhân với lãi suất 0% để phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh.

17. Vốn chủ sở hữu

17.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
NĂM TRƯỚC			
Số dư đầu năm	660.000.000.000	28.748.747.959	688.748.747.959
- Lãi trong năm	-	64.423.606.752	64.423.606.752
Số dư cuối năm	660.000.000.000	93.172.354.711	753.172.354.711
NĂM NAY			
Số dư đầu năm	660.000.000.000	93.172.354.711	753.172.354.711
- Lãi trong năm	-	43.074.985.111	43.074.985.111
- Giảm khác	-	(989.626.402)	(989.626.402)
Số dư cuối năm	660.000.000.000	135.257.713.420	795.257.713.420

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN/HN

17.2. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	660.000.000.000	660.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	660.000.000.000	660.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

17.3. Cổ phiếu

	Cuối năm	Đầu năm
	<i>Cổ phiếu</i>	<i>Cổ phiếu</i>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	66.000.000	66.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	66.000.000	66.000.000
Cổ phiếu phổ thông	66.000.000	66.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	66.000.000	66.000.000
Cổ phiếu phổ thông	66.000.000	66.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

(Đơn vị tính: VND)

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu	993.353.817.807	1.148.239.290.045
- Doanh thu bán hàng hóa và thành phẩm	963.210.577.273	1.138.355.948.499
- Doanh thu hoạt động xây lắp	30.143.240.534	9.883.341.546
Các khoản giảm trừ	75.505.500.000	-
- Hàng bán bị trả lại	75.505.500.000	-
Doanh thu thuần	917.848.317.807	1.148.239.290.045

Trong đó doanh thu với các bên liên quan

	Năm nay	Năm trước
Công ty CP Sky Life Mai Châu	-	123.155.358.060

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN/HN

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Giá vốn của hàng hóa và thành phẩm đã bán	858.850.972.429	1.064.144.252.964
- Giá vốn hoạt động xây lắp	30.193.338.235	10.157.000.000
Cộng	889.044.310.664	1.074.301.252.964

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.561.268.652	4.200.160.753
- Lãi chênh lệch tỷ giá	13.682.135	274.911.692
- Lãi đầu tư cổ phiếu	-	5.400.000.000
- Lãi từ chuyển nhượng vốn	43.149.830.692	-
Cộng	48.724.781.479	9.875.072.445

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền vay	13.721.345.516	6.756.054.529
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	78.036.903	61.949.936
- Chi phí tài chính khác	-	37.700
Cộng	13.799.382.419	6.818.042.165

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	115.052.669	-
- Chi phí nhân công	541.618.000	1.038.254.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	475.360.129	773.216.063
- Chi phí khác bằng tiền	288.750.718	165.145.736
Cộng	1.420.781.516	1.976.615.799

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	527.582.226	371.737.476
- Chi phí nhân viên quản lý	3.182.244.717	2.958.895.547
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	729.848.189	760.146.978
- Chi phí dự phòng	(280.539.839)	1.163.925.372
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	682.227.712	566.714.936
- Chi phí khác bằng tiền	944.112.013	823.729.975
Cộng	5.785.475.018	6.645.150.284

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN/HN

7. Lợi nhuận khác

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	1.586.128.567	588.000.080
- Thu nhập khác	1.586.128.567	588.000.080
Chi phí khác	3.025.746.349	2.196.335.215
- Chi phí khác	3.025.746.349	2.196.335.215
Lợi nhuận khác	(1.439.617.782)	(1.608.335.135)

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp Công ty mẹ	440.595.491	1.029.383.081
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp Công ty con	10.286.676.245	964.259.722
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	10.727.271.736	1.993.642.803

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	43.074.985.111	64.423.606.752
Các khoản điều chỉnh: (*)	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	43.074.985.111	64.423.606.752
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu)	66.000.000	66.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	653	976

(*) Công ty chưa có kế hoạch trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế do đó không có số liệu trình bày.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	19.454.970.456	16.060.093.388
- Chi phí nhân công	5.238.431.779	5.383.973.177
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	19.514.891.742	4.796.653.976
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	33.379.752.170	12.589.816.703
- Chi phí khác	1.121.271.210	2.163.171.410
Cộng	78.709.317.357	40.993.708.654

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN/HN

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

(Đơn vị tính: VND)

1. Thông tin về các bên liên quan

Mối quan hệ của các bên liên quan trong năm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Bà Vũ Thị Hương Quỳnh	Cổ đông của Công ty CP Đầu tư Sao Thái Dương
Ông Phùng Như Tuyển	Giám đốc Công ty CP Việt Nga Hòa Bình
Ông Đào Tất Thành	Giám đốc Công ty CP Nông Lâm Sản Hà Giang
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Tona	Công ty liên kết của Công ty CP Đầu tư Sao Thái Dương
Công ty CP Sky life Mai Châu	Ông Nguyễn Huy Quảng là Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng và là cổ đông góp vốn của Công ty CP Đầu tư Sao Thái Dương đồng thời là Giám đốc Công ty CP Sky life Mai Châu

Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong năm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Nội dung nghiệp vụ</u>	<u>Giá trị (VND)</u>
Bà Vũ Thị Hương Quỳnh	Công ty CP Việt Nga Hòa Bình trả tiền vay	7.000.000.000
Ông Phùng Như Tuyển	Cho Công ty CP Việt Nga Hòa Bình vay tiền	13.525.000.000
	Công ty CP Việt Nga Hòa Bình trả tiền vay	6.860.000.000
Ông Đào Tất Thành	Cho Công ty TNHH NLS Hà Giang vay tiền	10.350.000.000
Công ty CP Sky life Mai Châu	Bán hàng hóa cho Công ty CP Đầu tư Sao Thái Dương	815.450.000

Số dư với bên liên quan tại ngày 31/12/2017

<u>Bên liên quan</u>	<u>Nội dung nghiệp vụ</u>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bà Vũ Thị Hương Quỳnh	Phải trả khác	-	7.000.000.000
Ông Phùng Như Tuyển	Phải trả khác	15.565.000.000	8.900.000.000
Ông Đào Tất Thành	Phải trả khác	10.350.000.000	-
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Tona	Trả trước cho người bán	25.927.283.000	25.927.283.000
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Tona	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	-	800.000.000
Công ty CP Sky life Mai Châu	Phải thu khách hàng	-	59.370.358.060

Thu nhập của các thành viên Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	477.660.000	420.390.000
Cộng	477.660.000	420.390.000

2. Báo cáo bộ phận

Trong năm, Công ty và các Công ty con hoạt động chủ yếu là buôn bán kinh doanh thương mại các mặt hàng Phân bón như Ure, các mặt hàng nông sản, các mặt hàng khác và hoạt động chủ yếu tại khu vực Miền Bắc.

Do đó Báo cáo bộ phận chủ yếu là theo lĩnh vực kinh doanh (Chi tiết xem tại phụ lục số 1 – Trang 30).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Mẫu số B 09 - DN/HN****3. Công cụ tài chính**

Ngày 06/11/2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và Thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), có hiệu lực đối với các Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi. Tuy nhiên, Thông tư 210 không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực kế toán quốc tế và Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế. Các khoản mục tài sản và nợ của Công ty vẫn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Hệ thống kế toán Việt Nam.

3.1. Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	Cuối năm	Đầu năm
Tài sản tài chính		
- Tiền và các khoản tương đương tiền	40.934.894.799	57.939.954.148
- Phải thu khách hàng và phải thu khác	333.173.241.594	159.030.988.647
- Phải thu về cho vay ngắn hạn	48.000.000.000	52.550.000.000
- Đầu tư dài hạn	148.197.006.016	177.876.032.896
Cộng	570.305.142.409	447.396.975.691
Nợ phải trả tài chính		
- Các khoản vay	242.669.408.626	167.212.015.357
- Phải trả người bán và phải trả khác	127.505.653.254	79.157.727.729
- Chi phí phải trả	3.077.148.097	2.943.274.306
Cộng	373.252.209.977	249.313.017.392

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

3.2. Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục, vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông/chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông/chủ sở hữu của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

3.3. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá cổ phiếu), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của đồng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro tài chính do thiếu thị trường mua bán các công cụ tài chính này.

3.3.1. Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

3.3.2. Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tình không chắc chắn về giá trị trong tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư vào cổ phiếu và các phân tích dự báo thị trường.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN/HN

3.3.3 Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

3.3.4 Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa nợ phải trả đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì mức dự phòng tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản vay, nguồn vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn cho nợ phải trả tài chính phi phái sinh và tài sản tài chính phi phái sinh trên cơ sở không chiết khấu tại thời điểm lập báo cáo:

Khoản mục	Dưới 1 năm	Từ 1 năm - 5 năm	Tổng
NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH			
Số dư cuối năm			
- Các khoản vay	158.405.122.090	84.264.286.536	242.669.408.626
- Phải trả người bán và phải trả khác	127.505.653.254	-	127.505.653.254
- Chi phí phải trả	3.077.148.097	-	3.077.148.097
Cộng	288.987.923.441	84.264.286.536	373.252.209.977
Số dư đầu năm			
- Các khoản vay	77.262.723.157	89.949.292.200	167.212.015.357
- Phải trả người bán và phải trả khác	79.157.727.729	-	79.157.727.729
- Chi phí phải trả	2.943.274.306	-	2.943.274.306
Cộng	159.363.725.192	89.949.292.200	249.313.017.392
TÀI SẢN TÀI CHÍNH			
Số dư cuối năm			
- Tiền và các khoản tương đương tiền	40.934.894.799	-	40.934.894.799
- Phải thu khách hàng và phải thu khác	333.136.703.994	36.537.600	333.173.241.594
- Phải thu về cho vay ngắn hạn	48.000.000.000	-	48.000.000.000
- Đầu tư dài hạn	-	148.197.006.016	148.197.006.016
Cộng	422.071.598.793	148.233.543.616	570.305.142.409
Số dư đầu năm			
- Tiền và các khoản tương đương tiền	57.939.954.148	-	57.939.954.148
- Phải thu khách hàng và phải thu khác	158.994.451.047	36.537.600	159.030.988.647
- Phải thu về cho vay ngắn hạn	52.550.000.000	-	52.550.000.000
- Đầu tư dài hạn	-	177.876.032.896	177.876.032.896
Cộng	269.484.405.195	177.912.570.496	447.396.975.691

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THÁI DƯƠNG

Tầng 08, Tòa nhà Simco Sóng Đà, Tiểu khu ĐTM Vạn Phúc, Phường Vạn Phúc,
Quận Hà Đông, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày
31 tháng 12 năm 2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN/HN

4. Các khoản công nợ tiềm tàng

Công ty không có khoản công nợ tiềm tàng nào tính đến ngày 31/12/2017.

5. Sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào cần trình bày sau ngày kết thúc năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

6. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt tại Hà Nội.



Nguyễn Tấn Đạt
Tổng Giám đốc

Ngày 09 tháng 04 năm 2018

Nguyễn Huy Quảng
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thương
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THÁI DƯƠNGTầng 08, Tòa nhà Simco Sông Đà, Tiểu khu DTM Vạn Phúc, Phường Vạn Phúc,
Quận Hà Đông, Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày
31 tháng 12 năm 2017**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Mẫu số B 09 - DN/IN

Phụ lục 1: BÁO CÁO BỘ PHẬN

	Phân bón (Ure)	Nồng Sulfur (Ngô, Sản lát,...)	Các mặt hàng khác	Loại trừ	Cộng
KẾT QUẢ KINH DOANH					
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	752.238.500.000	83.408.109.884	87.890.007.923	(5.688.300.000)	917.848.317.807
Giá vốn hàng bán	747.005.100.000	70.012.906.817	77.714.603.847	(5.688.300.000)	889.044.310.664
Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	5.233.400.000	13.395.203.067	10.175.404.076	-	28.804.007.143
Chi phí không phân bổ	-	-	-	-	7.206.256.534
Doanh thu tài chính	-	-	-	-	48.724.781.479
Chi phí tài chính	-	-	-	-	13.799.382.419
Thu nhập khác	-	-	-	-	1.586.128.567
Chi phí khác	-	-	-	-	3.025.746.349
Lợi nhuận từ Công ty liên kết, liên doanh	-	-	-	-	122.313.120
Lợi nhuận kế toán trước thuế	-	-	-	-	55.205.845.007
Chi phí thuế	-	-	-	-	10.983.114.212
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	44.222.730.795
TÀI SẢN					
Tài sản bộ phận	146.943.032.567	699.598.500	348.436.563.998	(2.981.110.000)	493.098.085.065
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	739.562.484.538
Tổng tài sản	-	-	-	-	1.232.660.569.603
NỢ PHẢI TRẢ					
Nợ phải trả bộ phận	46.601.600.000	1.000.000.000	154.924.524.027	(2.981.110.000)	199.545.014.027
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	187.242.268.628
Tổng nợ phải trả	-	-	-	-	386.787.282.655



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THÁI DƯƠNG (SJF)

